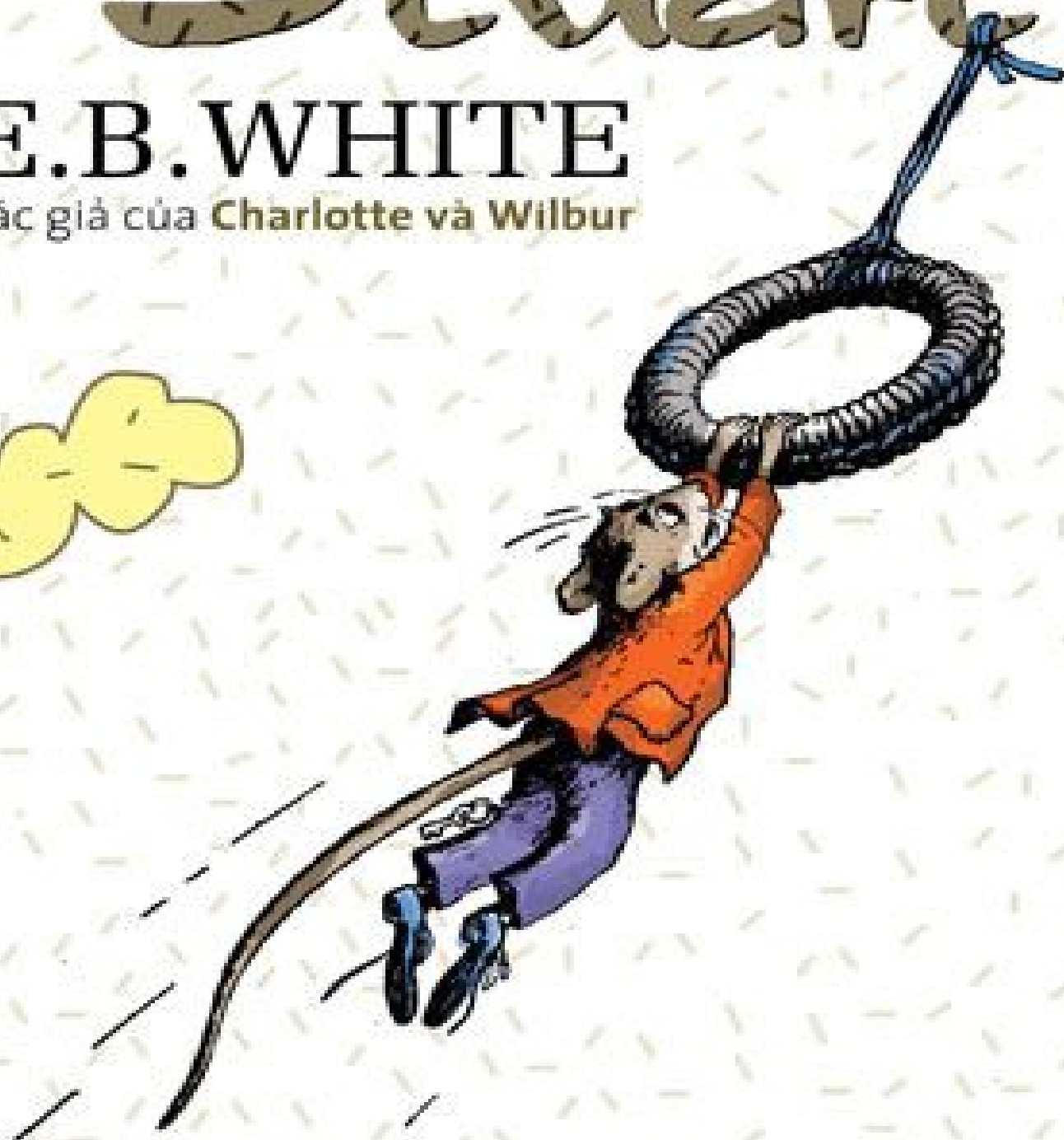


nhát Stuart

E.B. WHITE

Tác giả của **Charlotte và Wilbur**



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Ebook được hoàn thành bởi các thành viên nhóm **Dorakan** trên **TVE**, dựa trên mục đích hoàn toàn phi thương mại, với ý muốn chia sẻ sách cho những bạn không có điều kiện đọc các ấn phẩm thông thường. Mong rằng qua ebook này các bạn sẽ có được những phút giây thư giãn và thỏa mãn niềm đam mê đọc sách của mình. Đó cũng là ước mong của tất cả chúng tôi. Tuy nhiên, những trường hợp nằm trong khả năng có thể, chúng tôi vẫn hy vọng các bạn mua bản in chính gốc.

Bản quyền tác phẩm thuộc về nhà xuất bản. Bản ebook thuộc về nhóm dự án. Mọi hành động sao lưu dưới mọi hình thức sang bất cứ đâu xin giữ nguyên tên những người thực hiện, như một sự tôn trọng.



Các thành viên tham gia dự án :

Quản lý dự án: **Doraemon25**

Chụp ảnh: **Doraemon25**

Đánh máy: **mejie, dhongtham123, o0o2712o0o, Doraemon25, cobelala, another, hoalytra, hanh_nguyen_bg, Bad_boy91**

Check: **southsky2010, to_you, heo com, iluvbook09, iluvbook10, iluvbook11**

Làm ebook: **jackreacher1994**

Thư ký: **Moon85**



Thông tin ấn phẩm :

Tên sách: **Nhất Stuart**

Nxb Hội Nhà Văn

Tác giả: **E. B. White**

Dịch giả: Ý Dĩ
Số trang: 168
Hình thức bìa: Bìa mềm
Kích thước: 13x20,5 cm
Năm xuất bản: 2009
Trọng lượng: 190 gram
Giá bìa: 30000 VNĐ



Mục Lục

1. TRONG ỐNG CỐNG



2. NHỮNG VẤN ĐỀ GẶP Ở NHÀ



3. CHUYÊN TẮM RỬA



4. TẬP THỂ DỤC



5. GIẢI CỨU



6. LÀN GIÓ TRONG LÀNH



7. CUỘC ĐUA THUYỀN BUỒM



8.MARGALO



9.THOÁT TRONG GANG TẮC



10.MÙA XUÂN



11.CHIẾC Ô TÔ



12.LỚP HỌC



13.THI TRẦN AMES' CROSSING



14.MỘT BUỔI CHIỀU TRÊN SÔNG



15.VỀ PHƯƠNG BẮC



1. TRONG ỐNG CỐNG

Khi cậu con trai thứ hai của bà Frederic C. Little chào đời, mọi người nhận thấy nó không to hơn một con chuột nhất là mấy. Thật tình là, về mọi đàng, trông đứa bé giống hệt một con chuột. Nó chỉ cao khoảng năm phân, và có một cái mũi chuột nhọn hoắt, một cái đuôi chuột, mấy cái ria chuột, và cả tác phong bẽn lẽn dễ mẩn của một con chuột. Chưa được mấy ngày tuổi, nó không những trông đã giống chuột và xử sự cũng giống chuột nốt – đội một cái mũ xám và cầm một cái ba toong con. Ông bà Little đặt tên nó là Stuart, và bà Little làm cho nó một chiếc giường tí tẹo bằng bốn cái kẹp quần áo và một vỏ bao thuốc lá.

Không giống như hầu hết bọn trẻ mới lọt lòng khác. Stuart có thể đi lại ngay từ lúc mới chào đời. Khi được một tuần tuổi, nó đã có thể trèo lên cái đèn bàn bằng cách đu lên một sợi dây đèn. Bà Little thấy ngay rằng mớ quần áo sơ sinh bà chuẩn bị trước đó thế là không thích hợp, và bà bèn bắt tay vào may cho nó một bộ vest bằng sợi len xe nhỏ nhắn đáng yêu màu xanh lơ có mấy cái túi đắp để nó cất khăn mùi xoa, tiền nong, cùng mấy cái chìa khóa. Mỗi buổi sáng, trước khi Stuart mặc quần áo, bà Little đều vào phòng nó và đem cân nó trên một cái cân bé tí thực ra là dùng để cân thư. Lúc mới sinh, nếu có đem gửi Stuart bằng loại thư hạng nhất thì khéo cũng chỉ mất cỡ ba xu, nhưng chắc chắn bố mẹ muốn giữ nó lại hơn là gửi nó đi đâu; và khi Stuart được một tháng tuổi, thấy nó chỉ đạt đến khoảng chín gam, mẹ nó đã quá lo lắng đến nỗi phải cho mời bác sĩ tới.

Bác sĩ thích Stuart lắm và nói rằng một gia đình Mỹ mà lại có một con chuột như thế thì quả là lạ. Ông cặp nhiệt độ cho Stuart và thấy nhiệt độ là 98.6 độ F (tức 37 độ C), thế là bình thường đối với một con chuột. Ông cũng khám phổi và nghe tim Stuart, rồi nhìn vào lỗ tai nó bằng một cái đèn pin, rất trình trọng. (Không phải bác sĩ nào cũng có thể nhìn vào lỗ tai một con chuột mà không phá lên cười đâu nhé.). Mọi thứ đều có vẻ ổn cả và bà Little rất hài lòng khi được bảo lại như vậy.

“Nuôi nó béo lên!” ông bác sĩ vui vẻ nói khi ra về.

Ngôi nhà của gia đình Little là một nơi rất dễ thương, gần một công viên trong thành phố New York. Buổi sáng, ánh sáng mặt trời tràn vào nhà qua các cửa sổ hướng Đông, và theo luật chung, cả gia đình Little đều dậy sớm,

Stuart rất được việc cho bố mẹ và cho anh trai George, nhờ kích thích nhỏ xíu của nó, và nhờ nó làm được những việc mà một con chuột nhắt có thể làm, lại vui thích mà làm. Một ngày nọ, khi đang chui rửa bồn tắm sau khi ông Little tắm xong, bà Little làm tuột cái nhẫn khỏi ngón tay và vô cùng hoảng sợ khi phát hiện ra cái nhẫn đã trôi xuống cống.

“Tôi phải làm sao bây giờ?” bà kêu lên, cố kìm nước mắt.

“Nếu con là mẹ,” George nói, “con sẽ uốn một cái kẹp tóc thành hình lưỡi câu và cột nó và một mẫu dây rồi thử lấy nó câu cái nhẫn.”

Thế là bà Little kiếm một mẫu dây cùng một cái kẹp tóc, và bà câu cái nhẫn trong khoảng nửa tiếng đồng hồ; nhưng dưới cống thì tối đen và lưỡi câu luôn luôn có vẻ như chưa tới được chỗ cái nhẫn thì đã vướng phải cái gì đó.

“Được gì không?” ông Little hỏi khi bước vào nhà tắm.

“Chẳng được gì cả,” bà Little nói. “Cái nhẫn ở sâu quá, em không câu lên được.”

“Sao chúng ta không cử Stuart xuống dưới nhỉ?” ông Little gợi ý. “Thấy sao, Stuart, con có muốn thử không?”

“Có, con muốn,” Stuart đáp, “nhưng con nghĩ có khi con mặc cái quần cũ thì hơn. Con tưởng tượng dưới đó phải ướt át lắm.”

“Uớt lắm,” George nói, hơi phật ý một chút vì ý tưởng câu nhẫn của mình không thành. Thế là Stuart tròng cái quần cũ vào và sẵn sàng chui xuống cống mò cái nhẫn. Nó quyết định đeo theo mình một sợi dây, một đến kia giao cho bố phụ trách. “Khi nào con giật sợi dây ba lần thì kéo con lên,” nó dặn. Và trong lúc ông Little quỳ bên cái bồn tắm thì Stuart lườn một cách dễ dàng xuống cống rồi mất dạng. Sau chừng một phút, sợi dây bị giật ba cú thật nhanh, và ông Little cẩn thận kéo lên. Đằng kia, bám vào một đầu sợi dây, là Stuart, với chiếc nhẫn đeo quanh cổ một cách an toàn.

“Ôi, con trai bé nhỏ can đảm của mẹ,” bà Little vừa nói với một cách tự hào vừa hôn Stuart và cảm ơn nó.

“Ở dưới đó thế nào?” ông Little hỏi. Ông luôn tò mò muốn biết về những chỗ mình chưa bao giờ được đến.

“Cũng được,” Stuart đáp.

Nhưng sự thật là cái cống đã làm người nó nhót nhót, và nó cần phải tắm xong xịt lên mình một ít nước hoa của mẹ rồi mới thoải mái lại được. Ai nấy trong gia đình đều tưởng mọi việc này giờ với Stuart là cực kỳ ngon lành.

2.NHỮNG VẤN ĐỀ GẶP Ở NHÀ

Stuart cũng rất được việc mỗi khi có chơi bóng bàn. Gia đình Little thích bóng bàn. Gia đình Little thích bóng bàn, nhưng mấy quả bóng lại cứ hay lăn dưới gầm đám ghế đầu, đám xô pha, và mấy cái lò sưởi, và thế có nghĩa là người chơi cứ luôn phải cúi mọp xuống để moi bóng dưới gầm mấy thứ đồ đạc. Chẳng mấy chốc Stuart đã học được cách rượt đuổi theo bóng, và thật là ngoạn mục cái cảnh nó chui ra từ gầm một lò sưởi nóng, đẩy quả bóng bàn bằng hết sức bình sinh, những giọt mồ hôi lặn trên má. Quả bóng dĩ nhiên là cao cũng gần bằng nó, và thế là nó phải quẳng toàn bộ sức nặng của mình mới lăn được bóng đi.

Gia đình Little có một chiếc đại dương cầm trong phòng khách. Đàn thì tốt thôi, mỗi tội là có một phím bị dính và đánh không được trơn cho lắm. Bà Little nói rằng theo bà có lẽ tại thời tiết ẩm, nhưng tôi thì chẳng thấy có vẻ gì là do trời ẩm, tại vì cái phím đã dính cũng phải bốn năm rồi, mà trong suốt thời gian ấy thì có biết bao nhiêu là ngày nắng ráo đẹp trời. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, cái phím ấy bị dính thật, và quả là trở ngại lớn cho bất cứ ai muốn thử chơi dương cầm. Việc này đặc biệt làm George khó chịu mỗi khi chơi “Vũ Điệu khăn Choàng”. Là bản nhạc khá rộn ràng. Chính George là người có ý tưởng bố trí Stuart bên trong chiếc dương cầm để đẩy cái phím lên đúng vào tích tắc người ta chơi cái phím đó.

Đây không phải là công việc dễ dàng đối với Stuart, nó phải khom mình giữa những búa gõ cây đàn, sao cho đầu mình không bị khỏ trúng. Nhưng Stuart thích như vậy: ở trong đàn dương cầm mới khoái làm sao, chạy lách qua lách lại, và âm thanh mới thật kinh hoàng. Đôi khi, sau một buổi chơi đàn dài, nó chui ra gần như điếc đặc, như thể vừa bước xuống từ một chiếc phi cơ sau một cuộc du lịch dài, và phải mất một lúc sau mới cảm thấy bình thường trở lại.

Ông bà Little thường lặng lẽ bàn bạc với nhau về Stuart mỗi khi không có nó lảng vảng cạnh đó, bởi vì họ vẫn chưa hoàn toàn bình phục sau cơn chấn động và sững sốt khi có một con chuột trong gia đình. Cậu chuột này quá bé và bày ra bao nhiêu là vấn đề cho bố mẹ mình. Ông Little nói rằng, dù sao đi nữa, không ai được đã động tới chữ “chuột” trong khi nói chuyện. Ông bà Little phải xé ngay cái trang trong cuốn bài hát mẫu giáo có in bài “Ba Con

Chuột Mù, Cõi Chúng Chạy Kìa”.

“Anh không muốn Stuart phải ghi hăng quá nhiều trong cái đầu của nó.” Ông Stuart nói. “Anh sẽ khổ tâm lắm nếu để con trai mình lớn lên mà cứ nơm nớp sợ rằng rồi sẽ bị bà vợ một ông nông dân lấy dao thái thịt cắt mất cái đuôi. Mấy cái việc như vậy là hay làm con nít mơ những giấc mơ xấu khi đi ngủ lắm.”

“Vâng,” bà Little đáp, “vội lại em nghĩ chúng ta có lẽ nên bắt đầu tính đến bài thơ:

“Vào đêm Giáng sinh
Khắp nhà sau, trước
Không con nào quậy
Kể cả con chuột.”^[1]

Em nghĩ nếu Stuart nghe người ta nhắc đến chuột theo cái cách hạ thấp như vậy, con nó sẽ mắc cỡ lắm.”

“Đúng đấy.” Ông chồng nói, “nhưng đến dòng đó thì mình đọc làm sao bây giờ. Mình phải đọc chữ gì đó, chứ không thể chỉ đọc:

“Vào đêm Giáng sinh
Khắp nhà sau, trước
Không con nào quậy.”

Nghe đúng là không hoàn chỉnh, cần phải có một từ nào đó để vần với từ “Trước”.

“Chẫu chuộc^[2] được không?”, bà Little hỏi

“Hay cuộc cuộc^[3].” ông Little nói.

“Con đề nghị thịt luộc^[4].” Georgr bình luận, này giờ nó vẫn lắng nghe cuộc trò chuyện từ phòng bên kia,

Cuối cùng mọi người quyết định rằng chẫu chuộc là chữ thay thế tốt nhất cho chữ “con chuột”, và khi Giáng sinh tới kè, bà Little cẩn thận xóa đi từ “con chuột” trong bài thơ, viết thay bằng chữ “chẫu chuộc”, và Stuart từ đó luôn luôn nghĩ rằng bài thơ là đọc như thế này:

“Vào đêm Giáng sinh
Khắp nhà sau, trước
Không con nào quậy

Kể cả châu chuột.”

Nhưng việc khiến bà Little lo nhất là cái lỗ chuột trong kho thực phẩm. Cái lỗ này do mấy con chuột trong nhà đào trước khi gia đình Little dọn vào, và cũng chẳng ai ra tay lấp cái lỗ. Ông Little thì hoàn toàn không chắc là mình hiểu được cảm giác thực sự của Stuart về cái lỗ chuột này. Ông cũng không biết cái lỗ chuột sẽ dẫn về đâu, và điều đó làm ông thấy bất an mỗi khi nghĩ rằng một ngày nào đó Stuart có thể nảy ra ý định làm một cuộc thám hiểm trong đó.

“Nói cho cùng, con nó giống hệt một con chuột, ông Little nói với vợ. “Mà anh chưa từng thấy một con chuột nào lại không thích chui vào một cái lỗ chuột cả.”

3.CHUYỆN TẮM RỬA

Stuart là người hay dậy sớm : gần như luôn luôn nó là người đầu tiên thức giấc vào buổi sáng. Nó thích cái cảm giác được là người đầu tiên lục đà lục đục; nó thích những căn phòng yên lặng với đám sách đứng im lìm trên những giá kê, thích ánh sáng nhọt nhọt lửa vào qua mấy cánh cửa sổ, thích cái mùi tươi mát của buổi mai. Vào mùa đông, trời thường còn khá tối lúc Stuart leo xuống từ chiếc giường làm bằng hộp thuốc lá, và thỉnh thoảng nó rùng cả mình vì lạnh khi đang tập thể dục, mình khoác áo choàng ngủ. (Mỗi sáng, Stuart đều làm mười lần động tác chạm ngón chân để giữ cho mình được khỏe. Nó đã thấy anh trai George làm vậy, và George giải thích là làm như thế sẽ giữ cho mấy cơ bụng được rắn chắc, với lại đó là một việc tốt cho bụng, cũng nên làm.) Sau khi tập thể dục xong, Stuart thường sẽ thay vớ vào cái áo choàng mặc trong nhà bằng len rất bảnh, cột dây chặt ngang eo, khởi hành về hướng phòng tắm, bước rón rén thật yên lặng qua cái hành lang dài tối om, ngang qua phòng bố mẹ, ngang qua cái tủ chứa nho nhỏ là nơi cất máy trái vả, ngang qua phòng George, men theo đầu cầu thang, cho đến khi tới được phòng tắm.

Dĩ nhiên lúc đó phòng tắm cũng tối nốt, nhưng bố của Stuart đã chu đáo nối thêm một đoạn dây dài vào cái dây bật đèn. Sợi dây chạm hẳn tới sàn. Chỉ cần túm lấy sợi dây, càng phía trên cao càng tốt, và lẳng hết sức mình vào đẩy, là Stuart đã có thể bật được đèn. Đu đưa trên sợi dây kiểu này, với cái áo choàng lết phết gấu quanh mắt cá, trông nó giống hệt một ông thầy dòng già nhỏ thó đang kéo chuông trong nhà nguyện

Đề lên được bồn rửa mặt, Stuart phải leo một cái thang dây bé xíu mà bố đã lắp riêng cho nó. George có hứa sẽ thiết kế cho Stuart một bồn rửa mặt đặc biệt, bé tẹo, chỉ cao khoảng hai phân, với một cái ống nhỏ bằng cao su đưa nước chảy qua. Nhưng George thì luôn luôn nói là mình sắp thiết kế một cái gì đó, và rồi lại quên bếng mất. Mỗi sáng, Stuart cứ việc thẳng tiến mà trèo lên cái thang dây, tới bồn rửa mặt của gia đình để rửa mặt, rửa tay và đánh răng. Bà Little đã cấp cho nó một cái bàn chải đánh răng kích thước như của búp bê, một bánh xà phòng của búp bê, một khăn mặt của búp bê, và một cái lược cũng của búp bê mà nó dùng để chải mớ ria. Nó để hết những thứ này trong túi cái áo choàng dành mặc sau khi tắm, và khi tới được đầu sợi thang

rồi, nó móc tất cả ra, đặt ngay ngắn thành một hàng, và bắt đầu tiến hành công tác vận cho nước chảy. Đối với một đứa bé tí tẹo thế này, việc vận được cho nước chảy quả là một vấn nạn. Stuart đã bàn bạc việc này với bố ngay sau cái hôm nó tiến hành một loại thử nghiệm vận nước mà không thành.

“Con có thể leo thoải mái lên trên vòi nước” nó giải thích, “nhưng con không vận nó chảy được, tại con không có cái gì để bám chân vào.”

“Ừ, bố biết”, bố nó trả lời, “toàn bộ rắc rối là ở chỗ đó.”

George, kẻ luôn luôn lắng nghe các cuộc đàm đạo vào bất cứ lúc nào có thể nghe được, nói rằng theo ý nó thì họ nên xây cho Stuart một cái trụ chống; và với ý tưởng đó, nó lôi ra mấy tấm ván, một cái cửa, một cái búa, một cái vận ốc, một cái dùi, mấy cái đinh, và bắt đầu gây nên một sự ồn ào kinh hoàng trong nhà tắm, trong lúc xây dựng cái mà nó nói sẽ là một cái trụ cho Stuart. Nhưng chẳng mấy chốc sau George đã lại bắt đầu quan tâm một việc gì đó, và thế là mất biến, để lại mớ dụng cụ nằm vung vãi trên sàn nhà tắm.

Stuart, sau khi xem xét cái đống hỗn độn này, một lần nữa lại quay sang bố. “Có thể con sẽ lấy cái gì đó nện vào cái vòi nước, và mở cho nước chảy bằng cách ấy.”

Thế là bố của Stuart cấp cho nó một cái búa rất bé, rất nhẹ, làm bằng gỗ; và Stuart nhận ra rằng chỉ cần quay cái búa ba vòng quanh đầu, xong giáng xuống “choang” một cái vào một cánh cửa vòi vận nước, thế là nó đã có thể khiến cho một dòng nước mỏng manh tuôn ra – đủ để đánh mấy cái răng, và thế này nữa: đủ để làm ẩm hết cả cái khăn lau mặt. Vậy là mỗi sáng, sau khi leo lên bồn rửa mặt, nó nắm chặt cái búa và nện cái vòi, và những thành viên khác của cả nhà đang mơ màng trong giường nệm, nghe thấy tiếng búa của Stuart *pling, pling, pling* rành mạch, tươi vui, như từ một lò rèn xa xa, báo cho họ biết rằng ngày đã lên và Stuart đang tìm cách đánh răng.

4.TẬP THỂ DỤC

Một buổi sáng tháng Năm đẹp trời, khi Stuart vừa mới lên ba, như thường lệ, nó dậy sớm, rửa mặt, thay quần áo, đội mũ vào, cầm gậy lên, và đi xuống nhà, vào phòng khách, coi ở đó đang có gì. Chẳng có ai ở đó, ngoại trừ Snowbell, con mèo trắng của bà Little. Snowbell cũng là một thành viên hay dậy sớm khác, và sáng nay y nằm trên thảm trải giữa phòng, nghĩ về những ngày xưa, khi y còn là một con mèo con.

“Chào anh” Stuart nói.

“Chào” Snowbell đáp, giọng sắc lẹm. “Dậy sớm nhỉ?”

Stuart ngó đồng hồ. “Vâng”, nó đáp. “mới có sáu giờ năm, nhưng tôi thấy sáng khoái và tôi nghĩ mình xuống nhà thôi, còn tập thể dục một tí”

“Tôi tưởng chú tập thể dục trong nhà tắm thế là đủ rồi chứ, rầm rầm rầm rầm, đánh thức tụi này dậy hết, chỉ vì cố lấy nước mà đánh mấy cái răng con. Nói thật, răng của chú mà đánh thì chả bỏ. Muốn coi một bộ hàm ra hàm không? Nhìn của tôi đây này!” Snowbell há miệng và phô ra hai hàm răng trắng lóe, sắc như những cây kim.

“Đẹp lắm” Stuart nói, “nhưng mà răng của tôi cũng tốt vậy, mặc dù có nhỏ thật. Còn vụ tập thể dục, tôi tập càng nhiều càng tốt thôi. Tôi cá là cơ bụng của tôi còn chắc hơn cơ bụng của anh.”

“Tôi cá là không chắc hơn” con mèo nói.

“Tôi cá là chắc hơn”, Stuart nói, “Như mấy cái đai bằng sắt ấy”

“Tôi cá là không đó” con mèo nói.

Stuart liếc quanh phòng, nghĩ coi phải làm gì để chứng minh cho Snowbell thấy mấy cái cơ bụng mình ngon như thế nào. Nó liếc thấy một cái mảnh mảnh che cửa sổ phía Tây còn đang rũ xuống, với cái dây kéo mảnh mảnh và một cái khuyên, giống như một chiếc vòng đánh đu, và vật này mang đến cho nó một ý tưởng. Leo lên bậc cửa sổ, Stuart bỏ mũ ra và đặt cây ba toong xuống.

“Anh sẽ không làm được thế này đâu.” Nó nói với con mèo. Và nó chạy lấy đà, phóng lên cái vòng, đúng cái cách mà mấy tay nhào lộn vẫn làm trong rạp xiếc, định bụng sẽ tự đu mình lên.

Một việc bất ngờ thành linh xảy ra. Stuart đã thực hiện một cú nhảy quá mạnh đến nỗi khởi động luôn cả tấm mảnh mảnh: với một tiếng “xạch” thật

lớn, tấm màn màn cuộn vút lên trần cửa sổ, kéo theo Stuart và cuộn chặt nó vào bên trong làm nó không cựa cựa nổi.

“Ôi tuyệt cá ngừ!” Snowbell kêu lên, y cũng ngạc nhiên không thua gì Nhất Stuart. “Mình đoán rằng việc này rồi sẽ dạy cho thằng nhóc ấy cách khoe cơ bụng.”

“Giúp tôi với! Cho tôi ra!” Stuart kêu la, hoảng hốt và bầm tím trong cái màn màn cuộn chặt như bó giò, thở không nổi. Nhưng giọng nó quá yếu nên không ai nghe được. Snowbell chỉ cười mồm mím. Y không ưa Stuart, và y chẳng mảy may động lòng trước việc Stuart bị cuốn lên trong cái màn màn, kêu la, đau đớn, và không tài nào thoát được. Thay vì chạy lên lầu và báo cho ông bà Little về vụ tai nạn này, Snowbell lại làm một việc kì dị. Y liếc quanh xem có ai đang theo dõi không, rồi mềm mại phóng thót lên bậu cửa sổ, ngoạm lấy cái mũ và cây ba toong của Stuart, mang xuống kho thực phẩm và đặt hết xuống, cạnh lối chui ra chui vào của cái lỗ chuột.

Khi bà Little xuống nhà một lúc sau đó và phát hiện ra mấy vật này, bà đã hét lên một tiếng inh tai làm mọi người chạy bắn cả lên.

“Thế là cuối cùng chuyện ấy đã đến.”

“Chuyện gì?” chồng bà hỏi.

“Stuart chui xuống lỗ chuột rồi.”

5. GIẢI CỨU

George tán thành việc dỡ ván sàn khu vực để thực phẩm lên. Nó chạy đi và vác về cây búa, cái tuộc-nơ-vít, cùng một cái đũa nước đá.

“Con sẽ cạy tung cái sàn mục này ra nhanh thật nhanh” miệng nó nói, tay nó luồn cái tuộc-nơ-vít xuống mép miếng ván sàn đầu tiên, nạy một cái thật mạnh.

“Chưa tìm tới nơi tới chốn thì *đúng* có cây toạc ván sàn lên,” ông Little cảnh cáo. “Đủ rồi đây, George! Mang trả cây búa về đúng chỗ của nó đi”

“Thôi vậy,” George nói. “Con thấy ngoài con ra, cả cái nhà này chẳng ai thèm quan tâm đến thằng Stuart”

Bà Little bắt đầu khóc lóc, “Ôi, con trai yêu dấu bé bỏng tội nghiệp của tôi!” bà nói. “Tôi biết ngay là nó sẽ bị giết vào đâu đó mà.”

“Đâu phải tại *mình* không đi lại thoải mái được trong cái lỗ chuột mà mình cứ nói đó là nơi không thích hợp với Stuart!” ông Little nói, “Đừng có làm rối ruột lên nữa.”

“Chắc mình phải thả ít thức ăn xuống cho nó thôi,” George đề nghị. “Sở Cảnh sát vẫn hay làm vậy khi có người mắc kẹt trong hang động.” Nói rồi George phóng vào nhà bếp và trở ra với một đĩa mức táo. “Mình rót một chút cái này vào, xong nó sẽ chạy tới chỗ Stuart.” George múc ra một ít mút táo và bắt đầu đùn vào cái lỗ chuột.

“Thôi cái trò đó ngay!” Ông Little gầm lên. “George, con có làm ơn để yên cho bố lo vụ này không? Cất cái món mức táo đi ngay lập tức!”

Ông Little trừng trừng nhìn George đầy giận dữ.

“Con chỉ tìm cách giúp em con thôi mà” George vừa nói vừa lắc đầu, mang theo cái đĩa trở lại nhà bếp.

“Hay mình cùng đồng thanh gọi Stuart” bà Little đề nghị. “Rất có khả năng cái lỗ chuột này bị chia nhánh ngoằn ngoèo, cho nên thằng bé bị lạc.”

“hay đây,” ông Little nói. “Anh sẽ đếm đến ba, rồi tất cả chúng ta cùng gọi, rồi tất cả tuyệt đối giữ yên lặng trong ba giây để lắng nghe tiếng trả lời.” Ông tháo đồng hồ đeo tay ra.

Ông bà Little và George quỳ xuống chống tay xuống sàn, kề miệng thật sát cái lỗ chuột. Rồi họ cùng gọi: “Stuuuuuuu-aaaaart!” Và rồi họ cùng tuyệt đối giữ yên lặng trong ba giây.

Từ vị trí tù túng của mình trong tấm màn cuộn chặt, Stuart nghe thấy tiếng mấy người kia hét tên mình trong kho thực phẩm, bèn gọi lại, “Con đây!” Nhưng giọng nó quá yếu và lại kẹt quá sâu trong tấm màn, đến nỗi các thành viên kia của gia đình không nghe được tiếng thét trả lời của nó.

“Lần nữa nào!” ông Little nói. “Một hai ba - Stuuuuuuu-aaaaart!”

Vô ích. Không nghe thấy tiếng trả lời. Bà Little đi lên phòng mình, nằm vật ra khóc vùi. Ông Little tới bàn điện thoại và gọi Sở Kiểm Người Đi Lạc, nhưng khi bên kia yêu cầu ông tả lại hình dạng Stuart và được nghe tả là cao có năm phân thì họ đã gác máy một cách bức bối.

Trong lúc đó, George xuống tầng hầm chứa đồ, kiểm vòng vòng coi có tìm được lối vào ra khác của lỗ chuột không. Nó đã di dời vô số rương, va li, chậu hoa, rổ hộp và ghế gãy từ đầu này tới đầu kia của căn hầm để làm trống cái góc tường mà nó nghĩ là có nhiều khả năng có lỗ chuột nhất. Nhưng không thấy có lỗ nào. Tuy vậy rồi, đi ngang cái máy chèo tập cơ bắp đã hỏng của ông Little, và thế là bị cuốn vào vật này. George mang luôn lên lầu, khá là vất vả, và dành hết thời gian còn lại của buổi sáng vào việc chèo thuyền.

Lúc tới giờ ăn trưa (mọi người quên khuấy mất chuyện ăn sáng), cả ba cùng ngồi xuống bên món thịt cừu hầm bà Little nấu, nhưng thật là một bữa ăn buồn bã, ai nấy đều cố tránh không nhìn vào chiếc ghế trống tí teo mà Stuart vẫn ngồi, kề ngay ly nước của bà Little. Không ai ăn được gì, buồn đến thế là cùng. George chỉ ăn một tí trắng miệng, ngoài ra không đụng đến thứ gì khác. Khi bữa trưa kết thúc, bà Little lại òa khóc và nói rằng bà sợ Stuart có khi chết mất rồi. Ông Little găm gù. “Vô lý, vô lý!”

“Nếu em nó chết rồi thì mình phải kéo hết màn cửa trong nhà xuống.” George nói, và nó chạy nhanh tới các cửa sổ, bắt tay vào hạ màn màn.

“George!” ông Little hét lên cau kỉnh, “nếu con không thôi hành động theo kiểu ngu xuẩn ấy đi thì bố sẽ phạt con đấy. Không cần phải đối đầu với sự điên rồ của con thì chúng ta cũng đã có quá đủ rắc rối trong ngày hôm nay rồi.”

Nhưng George đã chạy biến vào phòng khách, và bắt đầu làm căn phòng tối sầm lại, mục đích là để tỏ lòng thành kính với người quá cố. Nó kéo đến một sợi dây, và Stuart từ đâu rơi bịch xuống bậu cửa sổ.

“Ôi trời đất ơi,” George nói. “Nhìn ai này, mẹ ơi!”

“Cũng tới lúc phải có người kéo màn cửa xuống đây,” Stuart nhận xét. “Con chỉ biết nói thế thôi.” Nó đã khá mệt và đói.

Bà Little thấy lại con thì mừng quýnh đến nỗi cứ thế mà nức nở mãi. Dĩ nhiên, ai cũng muốn biết chuyện đã xảy ra như thế nào.

“Đó chỉ đơn giản là một tai nạn ai cũng có thể gặp phải,” Stuart nói.
“Thấy cái mũ với cây ba toong của con ở sát cái lỗ chuột thì ba mẹ với anh dĩ
là có thể tự rút ra kết luận thôi.”

6. LÀN GIÓ TRONG LÀNH

Một buổi sáng, khi gió Tây thổi về, Stuart mặc bộ quần áo thủy thủ vào, đội một cái mũ thủy thủ lên, lấy cái ống nhòm con con trên giá xuống, và cất bước đi, lòng tràn ngập tình yêu cuộc sống cũng như nỗi sợ chó. Ngả ngửa nghiêng nghiêng, nó đi lững thững về hướng Đại lộ số Năm, lòng vẫn luôn đề cao cảnh giác.

Cứ mỗi khi trong ống nhòm mà phát hiện ra một con chó, Stuart lại cuống quýt chạy đến người gác cửa gần nhất, leo lên ống quần ông ta, và nấp sau vạt áo đồng phục. Và có một lần, vì không có ông gác cửa nào sẵn đó, nó đã phải chui vào một tờ báo số ra ngày hôm trước, cuộn mình vào đồng phục trưng cho đến khi nguy hiểm qua đi.

Ở góc Đại lộ số Năm có nhiều người đang đợi xe buýt lên khi phố trên, và Stuart đến nhập bọn. Không ai để ý đến nó, bởi vì nó không đủ cao để mà nhận ra.

“Mình không đủ cao cho người ta nhận ra,” Stuart nghĩ bụng, “nhưng mình đủ lớn để muốn tới đường Bảy Mươi Hai.”

Khi chiếc xe buýt phát hiện ra, tất cả mọi người ai nấy đều quơ gậy hoặc cặp táp vẫy ông tài xế, còn Stuart thì vẫy bằng cái ống nhòm của mình. Rồi, biết rằng bậc xe buýt thì quá cao đối với mình, Stuart bèn bấu lấy gấu quần *lor-ve* của một quý ông, đu lên xe mà không gặp bất cứ trục trặc, phiền phức nào.

Stuart chưa bao giờ phải trả xu nào đi xe buýt, bởi vì nó không đủ to để vác một đồng xu thông thường. Có một lần duy nhất thử mang theo một đồng xu thì nó đã phải lăn cái đồng các ấy như chơi đánh vòng và chạy theo sát bên cạnh, nhưng đến cái dốc thì đồng xu vượt mất và bị một bà lão không răng chop được. Sau cuộc trải nghiệm đó, Stuart đành tự bằng lòng với những đồng các nhỏ tí teo mà bố làm cho từ tấm thiếc. Chúng là những vật nhỏ xíu, đẹp dễ, mặc dù hơi khó thấy nếu không đeo kính vào.

Khi người lái xe đến thu tiền vé, Stuart moi trong ví, móc ra một đồng các không lớn hơn mắt con châu chấu.

“Cậu đưa tôi cái này ấy hử?” người lái xe hỏi.

“Đó là một trong mấy đồng xu cháu có.” Stuart đáp.

“Thế nữa?” người lái xe nói. “Rồi, tôi sẽ lại mất cả buổi ngồi giải thích

cho công ty xe buýt đây. Ui chao, cậu mà còn chẳng lớn hơn đồng các của chính cậu kia.”

“Tôi lớn hơn đây,” Stuart giận dữ đáp trả. “Tôi lớn gấp đôi đồng các. Đồng các cao có tới đây tôi thôi.” Và Stuart chỉ vào hông mình. “Thêm nữa,” nó tiếp, “tôi không có lên cái xe buýt này để mà bị làm nhục đâu nhé.”

“Làm ơn tha lỗi,” ông lái xe nói. “Cậu phải tha thứ cho tôi, tại vì tôi không ngờ là trên đời lại có một thủy thủ nào bé đến cỡ này.”

“Sống đi rồi thấy.” Stuart vừa lau bầu, cay ca, vừa nhét cái bóp tiền lẻ vào trong túi.

Khi xe buýt dừng lại ở đường Bảy Mươi Hai, Stuart nhảy ra khỏi xe và vội vã băng đường, tới bến tàu trong công viên Central Park. Gió Tây hiu hiu thổi khắp mặt hồ, và ngược làn gió Tây đó, những chiếc thuyền nhỏ một cột buồm, hai cột buồm ra khơi, dây xích rào quanh boong tàu chùng xuống, những boong tàu lấp loáng ướt.

Chủ nhân của chúng – những thằng bé hay mấy vị người lớn – chạy vòng vòng trên bờ bên kia kịp thời để ngăn mấy con thuyền không va vào nhau.

Có mấy cái thuyền đồ chơi không hề nhỏ như bạn vẫn tưởng đâu nhé, bởi vì khi lại gần chúng, bạn mới phát hiện ra rằng cột buồm chính của chúng còn cao hơn đầu người, và thuyền được làm rất đẹp, với mọi thứ đều ngăn nắp và sẵn sàng ra khơi. Đối với Stuart thì những cái thuyền này quả là khổng lồ, và nó hy vọng sẽ có lúc được lên boong một cái trong đám, rồi giơ buồm đến những góc xa của hồ nước. (Nó là một chú nhóc ưa mạo hiểm, yêu cái cảm giác làn gió mơn man trên mặt, yêu tiếng kêu của mấy con hải âu trên đầu và cái đập dình của những con song lớn nhồi bên dưới.)

Ngồi vắt chân chữ ngũ trên bức tường bao quanh cầu tàu, ngóng ra mấy con thuyền qua cái ống nhòm, Stuart để ý thấy có một con thuyền dường như đường bệ hơn và kiêu hãnh hơn mấy cái kia. Tên của con thuyền là Ong Vò Vẽ. Đó là một con thuyền hai cột buồm màu đen bự, bay phần phật cờ Mỹ. Ong Vò Vẽ có cái mũi kiểu thuyền đi biển xa, và trên boong trước là một khẩu súng thần công sáu phân dựng đứng. Stuart nghĩ bụng đây chính là con thuyền dành cho mình. Và khi con thuyền tấp vào làn nữa, nó bèn chạy ngay tới chỗ con thuyền đang quẹo về.

“Xin ông thứ lỗi,” Stuart nói với người đàn ông đang cho cái thuyền quẹo lại, “ông là chủ nhân của chiếc thuyền hai buồm Ong Vò Vẽ này ạ?”

“Chính tôi,” người đàn ông trả lời, ngạc nhiên khi được một con chuột mặc đồ thủy thủ đến chào hỏi.

“Tôi đang kiếm một chân giúp việc trên một con tàu tốt,” Stuart nói tiếp.

“và tôi nghĩ có lẽ ông nên ký kết với tôi. Tôi khỏe và tôi nhanh.”

“Cậu tỉnh táo đó chứ?” chủ nhân Ong Vò Vẽ hỏi.

“Tôi làm được việc.” Stuart rắn tởi trả lời.

Người đàn ông nhìn nó chăm chú. Ông không thể không tán phục vẻ chinh tề và tác phong táo tợn của nhân vật đi biển tí teo này.

“Thôi được.” sau một hồi, vừa chỉ về cái mũi thuyền Ong Vò Vẽ đang hướng về giữa hồ, ông vừa nói. “Tôi sẽ chỉ cho cậu biết tôi định làm gì với cậu. Có thấy cái thuyền đua nhỏ một buồm đằng kia không?”

“Dạ có.” Stuart đáp.

“Đó là cái Lillian B. Womrath,” người đàn ông nói, “và tôi ghét nó cay đắng.”

“Thế thì tôi cũng sẽ ghét cay ghét đắng nó.” Stuart kêu lên, giọng trung thành.

“Tôi ghét nó vì nó luôn luôn đụng vào thuyền tôi,” người đàn ông nói tiếp, “và vì chủ của nó là một thằng bé lười không hiểu gì về đi biển và khó khăn lắm mới phân biệt được gió với giò.”

“Hay dò với đường”. Stuart kêu lên.

“Hay sóng với sương.” Người đàn ông gầm rít.

“Hay buồm với bến”. Stuart hét lên.

“Hay hên với hào” ^[5] người đàn ông hét vang. “Nhưng ngừng thôi, không chơi nữa! Tôi sẽ nói cho cậu biết chúng ta phải làm gì. Xưa nay chiếc Lillian B.Womrath vẫn thắng con Ong Vò Vẽ luôn, nhưng tôi tin là nếu cái thuyền hai buồm của tôi mà được điều khiển đúng cách thì mọi chuyện sẽ khác. Không ai biết được tôi đã phải chịu đựng ra sao, đứng đây này, trên bờ đây này, tuyệt vọng nhìn theo con Ong Vò Vẽ lờ ngơ lơ ngơ, trong khi nó chỉ cần có mỗi một thứ là một bàn tay vững vàng đặt trên bánh lái. Thế nên, chàng trai trẻ của tôi, tôi sẽ để cậu lái con Ong Vò Vẽ băng qua hồ rồi quay trở lại, và nếu cậu có thể đánh bại cái thuyền một buồm đáng ghét kia, tôi sẽ cho cậu công ăn chuyện làm đều đều.”

“Rồi, rồi, thưa ngài!” Stuart vừa nói vừa lảng mình lên chiếc thuyền hai buồm và đứng vào vị trí của mình trước bánh lái. “Sẵn sàng!”

“Đợi chút đã,” người đàn ông nói. “Cậu có thể vui lòng cho tôi biết cậu tính chiến thắng cái thuyền kia *bằng cách nào* không?”

“Tôi dự định giăng thêm buồm.” Stuart nói.

“Nhưng không phải cho thuyền của *tôi* đâu nhé,” người đàn ông đáp nhanh. “Tôi không muốn cậu làm con thuyền lật trong cơn gió mạnh đâu

đẩy.”

“Vâng, vậy thì,” Stuart nói, “tôi sẽ rượt kịp cái con ranh một buồm kia, và lấy khẩu súng đang trước mà khạc lửa vào nó.”

“Phạm luật!” người đàn ông nói. “Tôi muốn đây là một cuộc đua thuyền chứ không phải là một cuộc thủy chiến.”

“Vâng, vậy thì,” Stuart mừng vui nói, “tôi sẽ lái con Ong Vò Vẽ thắng thơm và trung thực, và làm cho con Lillian B. Womrath đi loạng quạng quanh hồ.”

“Hoan hô!” người đàn ông kêu lên, “cậu đi may mắn nhé!” Nói rồi ông đẩy mũi thuyền Ong Vò Vẽ đi. Một luồng không khí thổi phồng những lá buồm phía trước, và con thuyền vút đi, duyên dáng ngả mình theo làn gió thổi đến từng mạn trái, trong khi Stuart quay bánh lái và trụ thân mình tựa vào cái cọc đầu dây cắm trên boong.

“À mà này,” người đàn ông kêu to, “cậu vẫn chưa nói tôi biết tên.”

“Tên là Nhắt Stuart.” Stuart hét hết hơi. “Tôi là con trai thứ của nhà Frederick C. Little, người thành phố này.”

“*Bon voyage* ^[6], Stuart,” ông bạn của nó reo hò, “bảo trọng và mang con Ong Vò Vẽ về an toàn nhé!”

“Tôi sẽ làm thế,” Stuart hét to. Quá sức kiêu hãnh và hạnh phúc, nó rời bánh lái một giây và nhún nhảy một tí trên boong tàu nghiêng nghiêng dốc, không nhận thấy mình vừa mới thoát trong gang tấc không đụng phải một cái tàu hơi nước nặng nề đang trôi ngang đường, với cái đầu máy đã hỏng và boong tàu dập dềnh trên sóng.

7. CUỘC ĐUA THUYỀN BUỒM

Khi dân tình trong Central Park hay rằng có một chiếc thuyền buồm đồ chơi đang được một con chuột mặc quần áo thủy thủ lèo lái, ai nấy chạy cả lại. Chẳng mấy chốc bờ hồ đã đông ken đến nỗi tổng hành dinh phải gửi tới một ông cảnh sát để thông báo rằng mọi người nên thôi xô đẩy nhau đi, thế nhưng chẳng ai chịu nghe.

Dân New York thích xô đẩy nhau. Kẻ sôi sục nhất trong đám chính là thằng bé sở hữu chiếc Lillian B. Womrath. Đó là một thằng bé sung sướng, béo ú, mười hai tuổi, tên là LeRoy. Nó mặc một bộ com lê bằng vải xọc xanh da trời và đeo một cái cà vạt màu trắng bị dây nước cam.

“Quay lại đây!” nó gọi Stuart. “Quay lại đây và leo lên thuyền *tao* đi. Tao muốn mày lái thuyền *tao* cơ. Tao sẽ trả mày năm đô một tuần và mày được nghỉ mỗi chiều thứ Năm, lại thêm một cái ra đi ô trong phòng nữa.”

“Cảm ơn cậu đề nghị tử tế quá.” Stuart đáp, “nhưng tôi đang sung sướng trên con Ong Vò Vẽ - đời tôi chưa bao giờ sung sướng thế.” Và cùng với câu nói đó, Stuart quay bánh lái một cú thật ác liệt, hướng chiếc thuyền buồm của mình xuôi thẳng tới vạch xuất phát, nơi LeRoy đang quay chiếc thuyền của nó bằng một cái que dài, sẵn sàng để khởi hành cuộc đua.

“Tôi sẽ là trọng tài,” một người đàn ông mặc bộ quần áo màu xanh lá tươi nói. “Ong Vò Vẽ sẵn sàng chưa?”

“Sẵn sàng, thưa ngài!” Stuart vừa hét to vừa giơ tay chạm mũ.

“Thuyền Lillian B. Womrath sẵn sàng chưa?” trọng tài hỏi.

“Dĩ nhiên rồi, sẵn sàng rồi,” LeRoy đáp.

“Về cực Bắc của hồ rồi quay trở lại!” vị trọng tài hô to. “Vào vị trí, sẵn sàng, TIẾN!”

“Tiến!” dân chúng dọc bờ hồ hét vang.

“Tiến!” chủ nhân Ong Vò Vẽ hét vang.

“Tiến!” ngài cảnh sát ré lên.

Và hai con thuyền bứt đi, hướng về cực Bắc của hồ, trong lúc đám hải âu bay lượn quang quác trên đầu, bầy taxi bóp còi với bấm kèn từ đường Bảy Mười Hai, và gió Tây (vượt qua cả nửa nước Mỹ để đến được Central Park) ca hát, vì vu qua đám dây nhợ, thổi tung bụi nước khắp các boong thuyền, chầm chầm vào hai má Stuart bằng những vỏ lạc bay bay bị hất lên từ đáy

sâu ngầu bọt. “Đây chính là cuộc đời dành cho ta!” Stuart thì thầm với chính mình. “Thuyền mới tuyệt làm sao! Một ngày mới tuyệt làm sao! Cuộc đua mới tuyệt làm sao!”

Tuy nhiên, hai con thuyền chưa đi được bao nhiêu foot^[7] thì một tai nạn xảy ra trên bờ. Dân chúng, do nôn nóng muốn xem thể thao, đã xô đẩy nhau ngày càng hăng tiết, và mặc dầu không chú ý, họ đã xô phải ông cảnh sát, mạnh đến nỗi húc ông văng khỏi bức tường bê tông rơi thẳng xuống hồ. Ông ngã xuống làn nước trong tư thế ngồi, và ướt sạch đến tận hột nút thứ ba của cái áo vest. Ông ướt sũng.

Cái ông cảnh sát đặc biệt này không chỉ là một người đàn ông to vật vã, mà ông lại vừa mới ăn một bữa vật vã to, và từ ông nhô ra một đợt sóng cồn, nhấp nhô, cuộn cuộn, xô ngã mọi vật bé nhỏ, khiến chủ nhân của những con thuyền có mặt trên hồ thét to kinh hãi và thích thú.

Khi Stuart thấy con sóng vĩ đại tiến đến gần, nó nhảy lên đám dây buồm nhưng đã quá muộn. Trùm lên Ông Vò Vẽ như một ngọn núi, con sóng đổ ầm xuống khắp boong thuyền, túm Stuart lên, quăng qua một bên, vào trong làn nước, nơi ai cũng nghĩ nó dĩ là phải chết chìm.

Nhưng Stuart không có ý định chết chìm. Nó đập chân thật mạnh, quẫy đuôi thật mạnh, và trong một, hai phút gì đấy, nó đã leo được trở lại lên boong chiếc thuyền buồm, vừa lạnh vừa ướt nhưng hoàn toàn không hề hấn. Về vị trí bên bánh lái rồi, nó nghe thấy tiếng mọi người chúc mừng và gọi nó ầm ĩ, “Cừ lắm chuột, Stuart! Cừ lắm chuột!”

Nó nhìn quanh và thấy con sóng kia đã lật úp chiếc Lillian B. Womrath, nhưng chiếc thuyền ấy đã tự dựng lên được và đang trên đường, trôi đến gần; và cứ sát cánh như thế cho đến khi cả hai con thuyền cùng đến được cực Bắc của cái hồ. Tại đây Stuart xoay hướng con Ông Vò Vẽ còn LeRoy dùng cái que quay con Lillian lại, và hai con thuyền thẳng tiến về vạch kết thúc.

“Cuộc đua này chưa xong đâu,” Stuart nghĩ.

Tín hiệu báo động đầu tiên nó nhận thấy là sắp có rắc rối xảy ra, ấy là khi nó liếc vào buồng lái của chiếc Ông Vò Vẽ và thấy phong vũ biểu tụt đột ngột. Ngoài biển, điều đó chỉ mang một ý nghĩa duy nhất: thời tiết xấu. Đột nhiên, một đám mây đen quét ngang mặt trời, che kín mít và để mặt đất rơi vào bóng râm. Stuart lạnh run trong mớ quần áo ướt. Nó kéo chiếc áo thủy thủ vòng lên sát cổ hơn, và khi tấm tia ra chủ nhân của chiếc Ông Vò Vẽ trong đám đông trên bờ hồ, nó vẫy vẫy cái mũ và gọi to:

“Thưa ngài, sắp có thời tiết xấu! Gió đang thổi ngược theo hướng Tây

Nam, biển động, kính vỡ.”

“Mặc kệ thời tiết đi!” người chủ nói. “Coi chừng cái gì lênh bênh ngay phía trước kia!”

Stuart nhòm chăm chú về hướng cơn bão đang tụ lại, nhưng không thấy gì ngoài những đợt sóng xám đen chồm trối. Thế gian có vẻ lạnh lẽo và đáng ngại.

Stuart liếc ra sau. Một chiếc thuyền buồm hiện ra, lướt đi sừng sực, cuộn cuộn sóng mũi thuyền và cứ thế mà tiến tới.

“Ngó chừng, Stuart! Ngó chừng sắp gặp gì kia!”

Stuart căng cả mắt, và bất thành lĩnh, ngay phía trước, trên đường đi của Ong Vò Vẽ, nó thấy một cái túi giấy khổng lồ lù lù trên mặt hồ. Cái túi rỗng và nổi bập bênh trên cao, phần mở của miệng túi ngoác rộng như miệng một hang động. Stuart bẻ quặt bánh lái nhưng đã quá muộn: chiếc Ong Vò Vẽ đâm vào trong túi, và với một tiếng *up* đáng sợ, chiếc thuyền buồm chậm lại, cuốn theo cơn gió với những lá buồm phàn phật. Ngay lúc ấy Stuart nghe một tiếng vỡ tan, thấy mũi thuyền Lillian cày xuyên qua đám dây nhợ của Ong Vò Vẽ, rồi cảm thấy cả con thuyền rùng mình từ mũi tới lái với sức mạnh của một vụ đụng tàu.

“Đụng thuyền!” đám đông trên bờ hét lớn.

Trong nháy mắt hai con thuyền đã ở trong một mớ hỗn độn kinh hoàng. Mấy thằng bé trên bờ la hét và nhảy tung tung. Trong lúc đó cái túi giấy thùng luôn một lỗ và nước bắt đầu đổ đầy vào túi.

Chiếc Ong Vò Vẽ không thể nhúc nhích được vì cái túi. Chiếc Lillian B. Womrath không thể nhúc nhích được vì cái mũi đã kẹt trong đám dây buồm của Ong Vò Vẽ.

Vẫy vẫy hai cánh tay, Stuart chạy tới trước và bắn phát súng lục. Thế rồi nó nghe, vượt lên khỏi những giọng nói khác trên bờ hồ, giọng ông chủ chiếc Ong Vò Vẽ hét lên chỉ hướng và bảo nó phải làm gì.

“Stuart! Stuart! Hạ buồm mũi xuống! Hạ buồm chằng giữa hai cột buồm xuống!”

Stuart nhảy lên tóm lấy mớ dây leo, và buồm mũi với buồm chằng lặn tăn hạ xuống.

“Cắt sạch cái túi giấy đi!” người chủ thuyền gầm lên.

Stuart rút nhanh con dao bỏ túi và gan dạ chém phẳng vào cái túi sưng nước cho đến khi boong thuyền được sạch quang.

“Giờ quay lại buồm mũi và kéo nó căng lên!” người chủ chiếc Ong Vò Vẽ hét lớn.

Stuart nắm lấy chiếc sào căng buồm và kéo bằng hết sức bình sinh. Chầm chậm, chiếc thuyền buồm nâng lên, bắt đầu lấy lại tốc độ. Và vừa nghiêng mình theo làn gió, Ong Vò Vẽ vừa trườn cho cái lan can thoát ra từ bên dưới mũi chiếc Lillian, lắc mình phóng thích, và tách ra hướng về phía Nam. Từ trên bờ, vang lên một tiếng reo thật lớn. Stuart búng mình tới bên bánh lái và đáp lại tiếng reo. Rồi nó ngoái lại, và cực kỳ vui sướng, nó nhận thấy chiếc Lillian đã ra đi theo một hướng lung tung và đang chạy lòng vòng khắp cái hồ.

Giọng buồm tiến thẳng, chiếc Ong Vò Vẽ với Stuart trong khoang lái. Sau khi băng qua vạch đến, Stuart cho thuyền đi dọc bức tường, rồi nó được đưa lên bờ, được khen ngợi đến tận mây xanh vì tài lái thuyền thành thạo và vì lòng gan dạ.

Người chủ hài lòng và nói rằng đây là ngày hạnh phúc nhất đời ông. Ông tự giới thiệu mình với Stuart, nói rằng ở ngoài đời ông là Paul Carey, bác sĩ phẫu thuật nha khoa. Ông nói chơi tàu mô hình là thú vui của ông, và rằng ông sẽ rất vui nếu được Stuart nắm quyền chỉ huy con tàu của ông bất cứ lúc nào. Mọi người bắt tay Stuart – mọi người, tức là trừ ông cảnh sát; ông đang quá ưót và quá tức, nên chẳng thể bắt tay một con chuột.

Khi Stuart về nhà đêm đó, George anh nó hỏi cả ngày nay nó ở đâu.

“À, lang thang quanh thành phố ấy mà,” Stuart đáp.

8. MARGALO

Vì Stuart quá bé nên thường khó mà tìm ra nó quanh nhà. Ba nó, mẹ nó, và thằng George anh trai hiếm khi ngó thôi mà định vị được nó – thường là họ phải gọi; và căn nhà vẫn hay dội vang những tiếng gọi “Stuart! Ồi Stuart!” Khi bạn bước vào một căn phòng, rất có thể Stuart đang cuộn mình trong một cái ghế, nhưng bạn sẽ chẳng thể nhìn ra nó. Ông Little lúc nào cũng sợ mất con, sợ không bao giờ tìm lại được. Ông thậm chí còn làm cho nó một cái mũ con màu đỏ, hết mấy tay đi săn vẫn đội, nhờ thế ông sẽ thấy nó dễ dàng hơn.

Một ngày kia khi đã được bảy tuổi, Stuart ở trong bếp xem mẹ làm bánh bột báng. Nó thấy đói, và khi bà Little mở cửa tủ lạnh để lấy vài thứ, Stuart lén vào bên trong xem thử có kiếm được miếng pho mát nào không. Nó cho rằng, dĩ nhiên rồi, mẹ phải thấy nó; nên khi cánh cửa tự động sập lại và Stuart nhận ra mình đã bị khóa trong, nó ngạc nhiên ghê gớm.

“Cứu!” nó gọi. “Trong này tối quá. Trong cái tủ lạnh này lạnh quá. Cứu con! Cho con ra! Mỗi phút mỗi lạnh hơn đây này!”

Nhưng giọng nó không đủ mạnh mà xuyên qua thành cửa dày. Trong bóng tối, nó lao đảo và ngã xuống một đĩa mận khô. Nước mận lạnh căm. Stuart run cầm cập, hai hàm răng đánh vào nhau. Phải đến nửa giờ sau bà Little mới mở cửa tủ ra lần nữa và thấy Stuart đứng trên một tảng bơ, đập đập hai cánh tay vào nhau cố để giữ ấm, miệng thổi phù phù vào hai lòng bàn tay, cứ thế nhảy lên nhảy xuống.

“Trời ơi!” bà kêu lên. “Stuart, thằng bé tội nghiệp của tôi.”

“Một ngụm brandy^[8] được không mẹ?” Stuart nói. “Con lạnh thấu cả xương.”

Nhưng thay vì vậy, mẹ Stuart nấu cho nó ít nước xuyt nóng, rồi đặt nó vào cái giường làm từ vỏ bao thuốc lá, với một chai nước nóng của búp bê áp vào hai bàn chân. Ấy thế mà, Stuart vẫn cảm nặng, rồi từ đó biến thành viêm phế quản, và nó phải ở trong giường gần như suốt hai tuần.

Trong suốt thời gian Stuart bị bệnh, những thành viên khác của gia đình cực kỳ tử tế với nó. Bà Little chơi trò *tic-tac-toe*^[9] với nó. George làm cho nó một ống thổi bong bóng xà phòng và một cái cung với một mũi tên. Ông Little làm cho nó một đôi giày trượt băng bằng hai cái kẹp giấy.

Một buổi chiều lạnh giá, bà Little đang giữ cái giẻ lau bụi ngoài cửa sổ thì nhận thấy trên bậu cửa có một con chim nằm đó, có vẻ như đã chết. Bà mang nó vào nhà và đặt nó cạnh lò sưởi, chỉ một lúc sau nó đã đập đập cánh và mở mắt ra. Đó là một con chim con xinh đẹp màu nâu, với một sọc vàng trên ức. Nhà Little không đồng thuận với nhau về việc con chim này thuộc loại gì.

“Nó là bách thanh mắt lác.” George nói, về khoa học.

“Bố nghĩ nó là chim hồng tước thì đúng hơn.” Ông Little nói. Nhưng dù gì, họ cũng xếp cho nó một chỗ trong phòng khách, và cho nó ăn, cấp cho nó một cốc nước. Chẳng bao lâu sau, nó đã thấy khỏe hơn và nhảy nhót quanh nhà, xem xét mọi thứ với sự thích thú và cẩn trọng tối đa. Lúc này đây, nó nhảy lên lều và vào phòng Stuart; Stuart đang nằm trên giường.

“Chào.” Stuart nói. “Bạn là ai? Bạn từ đâu đến?”

“Tên em là Margale,” con chim nói khê khàng bằng một giọng du dương. “Em đến từ những cánh đồng cao ngất lúa mì, từ những đồng cỏ lằn sâu trong dương xỉ và cây kế; em đến từ những thung lũng của cây râu dê, và em thích hót.”

Stuart ngồi bật dậy trên giường. “Nói lại đi!” nó bảo.

“Không được,” Margalo đáp, “Em viêm họng.”

“Tôi cũng thế,” Stuart nói. “Tôi bị viêm phế quản. Tốt hơn là bạn đừng có đến gần tôi, không là lây đấy.”

“Em sẽ chỉ ở đây thôi, ngay cửa ra vào.” Margalo nói.

“Bạn có thể lấy nước súc miệng của tôi mà dùng, nếu muốn,” Stuart nói. “Có mấy lọ thuốc nhỏ mũi này, và tôi có rất nhiều khăn giấy Kleenex.”

“Cảm ơn anh rất nhiều, anh sao mà tử tế,” con chim đáp.

“Họ lấy nhiệt độ cho bạn chưa?” Stuart hỏi; nó đã bắt đầu lo lắng thực sự cho sức khỏe của cô bạn mới.

“Chưa,” Margalo đáp, “nhưng em nghĩ cũng không cần”

“Ừm, chắc ăn là hơn,” Stuart đáp, “vì nhờ có chuyện gì xảy ra với bạn thì tôi ghét lắm. Đây...” Nó thả cho con chim cái cặp nhiệt độ. Margalo đặt xuống dưới lưỡi, và nó cùng Stuart ngồi rất yên trong vòng ba phút, rồi Margalo lấy cái cặp nhiệt độ ra, nhìn vào, xoay chậm chậm và cẩn thận.

“Bình thường.” con chim thông báo. Stuart thấy tim mình nhảy lên vì vui sướng. Có vẻ như chưa bao giờ nó gặp tạo vật nào đẹp đẽ như con chim tí ti này, và nó đã yêu nàng.

“Tôi hi vọng,” nó nhận xét, “bố mẹ tôi đã sắp xếp cho bạn một chỗ tử tế mà nằm ngủ.”

“Ồ, vâng,” Margalo đáp. “Em sẽ ngủ trong bụi dương xỉ Boston trên cái

kệ sách trong phòng khách. Ở thành phố mà có một chỗ như thế mới đẹp làm sao. Và bây giờ, xin thứ lỗi cho, em nghĩ là em phải đi ngủ- em thấy ngoài kia trời tối rồi. Em luôn luôn lên giường lúc mặt trời lặn. Ngủ ngon, thưa cậu.”

“Làm ơn đừng gọi tôi là cậu,” Stuart kêu lên. “Cứ gọi tôi là Stuart.”

“Tốt thôi,” con chim nói. “Ngủ ngon, Stuart!” Và nó búng đi bằng những bước nhẹ nhàng, nhún nhảy.

“Ngủ ngon, Margalo,” Stuart gọi. “Sáng mai gặp nhau.”

Stuart chui lại dưới tấm chăn. “Một con chim tuyệt đẹp,” nó thì thầm và thở dài một tiếng khe khẽ.

Khi bà Little bước vào sau đó để tén chăn cho Stuart và nghe nó cầu nguyện, Stuart hỏi rằng bà có nghĩ liệu con chim sẽ ngủ an toàn bên dưới phòng khách không.

“Rất an toàn, con thân yêu,” Bà Little đáp.

“Thế mèo Snowbell thì sao?” Stuart nghiêm khắc hỏi.

“Snowbell sẽ không đụng đến con chim,” mẹ nó nói. “Con ngủ nhé và quên hết mọi thứ ấy đi.” Rồi bà Little mở cửa sổ và tắt đèn.

Stuart nhắm mắt và nằm đó trong bóng tối, nhưng nó dường như không sao ngủ được. Nó lăn qua rồi lăn lại, và tấm chăn với khăn trải giường thành nhàu nhĩ cả. Nó cứ nghĩ mãi về con chim ở dưới lều ngủ trong bụi cây dương xỉ. Nó cứ nghĩ mãi về Snowbell và lồi lõm mắt của y. Cuối cùng, không thể chịu đựng hơn nữa, nó bật đèn lên. “Vẫn có chút gì đó trong mình không tin nổi một con mèo,” nó lẩm bẩm. “Mình không thể ngủ được khi biết rằng Margalo đang gặp nguy hiểm.”

Đẩy mớ chăn xuống, Stuart trèo ra khỏi giường. Nó tròng cái áo khoác vào, xỏ đôi dép lê. Xách theo cái cung và mũi tên cùng cái đèn pin, nó nhón chân đi vào sảnh. Ai nấy đã đi ngủ cả và căn nhà tối đen. Stuart mò mẫm đi về phía cầu thang, và chậm chậm, cẩn thận bước xuống phòng khách, không gây ra tiếng động nào. Cổ họng nó đau đốn và nó thấy hơi chóng mặt.

“Dù có bệnh thì cũng phải làm cho xong việc này,” nó tự nói với bản thân.

Cẩn thận để không phát ra tiếng động nào, nó băng qua phòng lên tới cái đèn cạnh giá sách, đu lên sợi dây đèn, và trèo lên cái kệ. Một tia sáng yếu ớt hắt vào từ ngọn đèn đường, và Stuart có thể lơ mơ thấy được Margalo, ngủ trong bụi dương xỉ, rúc đầu dưới cánh.

“Giấc ngủ ngủ trên mắt em, bình an ngủ trong ngực em,” nó thì thầm, lặp lại một câu nói nó từng nghe trong các bộ phim. Thế rồi nấp mình sau giá

cắm nển, nó chờ đợi, lắng nghe và quan sát. Phải đến nửa tiếng đồng hồ nó chẳng nhìn thấy gì, chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng xù cánh yếu ớt của Margalo khi cô nàng cựa quậy trong mơ. Đồng hồ điểm mười tiếng âm ỉ, và trước khi âm thanh của tiếng gõ cuối cùng tắt hẳn. Stuart thấy hai con mắt vàng lóe lên dòm ra từ su ghế sofa.

“Thế đây!” Stuart nghĩ. “Mình đoán thể nào cũng có việc để mà làm mà!” Nó với tay lấy cung tên và mũi tên.

Cặp mắt tiến đến gần hơn. Stuart thấy sợ, nhưng nó là một con chuột can đảm, thậm chí cả khi đang viêm họng. Nó đặt mũi tên dựa vào dây cung và chờ đợi. Snowbell bò êm ái về phía kệ sách, trèo nhẹ như ru lên cái ghế vừa vịn tầm với tới bụi dương xỉ Boston nơi Margalo nằm ngủ. Và rồi con mèo ẹp mình xuống, sẵn sàng bung lên. Đuôi mèo quật qua quật lại. Mắt mèo lóe sáng. Stuart quyết định thời điểm đã tới. Từ sau giá nển nó bước ra, quỳ xuống, cong dây cung, và nhắm cẩn thận vào tai trái Snowbell - cái tai gần nó nhất.

“Đây là việc hay nhất mình từng làm từ trước đến nay,” Stuart nghĩ. Và nó bắn mũi tên thẳng vào tai con mèo.

Snowbell rú lên đau đớn, phóng xuống và chạy một mạch vào nhà bếp.

“Trúng phóc!” Stuart nói. “Lạy trời! Chà, đúng là một đêm ra trò.” Và nó ném một cái hôn về phía bóng hình đang say ngủ của Margalo.

Và vài phút sau, con chuột con mệt bã người lê vào giường- mệt nhưng sau rốt cũng sắp được làm một giấc.

9. THOÁT TRONG GANG TẮC

Ở nhà Little, Margalo thích quá đến nỗi con chim lưu lại một thời gian thay vì quay về miền quê bao la. Nó và Stuart đã trở thành đôi bạn thân, và ngày qua ngày, đối với Stuart, dường như Margalo càng ngày càng đẹp. Stuart hy vọng Margalo sẽ không bao giờ xa nó.

Một ngày kia, khi đã khỏi viêm phế quản, Stuart xỏ đôi giày trượt mới, bận cái quần trượt băng rồi ra ngoài tìm một vũng băng. Nhưng nó đi chẳng được xa. Vừa bước ra đường, Stuart đã gặp ngay một con chó sục Ái Nhĩ Lan, thế là nó phải trèo tót lên cánh cổng sắt rồi nhảy luôn vào một thùng rác; tại đó nó núp trong một mớ cần tây.

Trong lúc nó ngồi đợi, đợi cho con chó bỏ đi, một chiếc xe tải chở rác từ Sở Vệ Sinh xịch thẳng tới lề đường, và hai người đàn ông nhấc cái thùng lên. Stuart cảm giác mình bị nhấc bổng lên cao. Nó dòm qua cạnh thùng và thấy chỉ một tí nữa thôi nó và mọi thứ trong thùng sẽ bị đổ vào chiếc xe tải lớn.

“Nếu bây giờ mà nhảy thì mình chết chắc,” Stuart nghĩ. Thế là nó lặn vào trong thùng và chờ đợi. Hai người đàn ông quăng cái thùng với một tiếng *bùm* to vào xe tải, ở đó có một ông nữa chộp lấy cái thùng, dốc ngược xuống, và giữ cho ra bằng hết. Stuart cầm ngược đầu xuống, chôn sâu hai chân trong đồng rác nhót nhọt ướt át.

Quanh nó toàn rác, nồng nặc mùi. Dưới chân nó, trên người nó, bốn xung quanh nó toàn rác là rác. Chỉ tuyền một thể giới mênh mông của rác rưởi nặng mùi. Thực là một nơi bẩn thỉu. Hai ống quần nó dính trứng, mũ thì dính bơ, áo sơ mi đầy nước thịt, tai bám tép cam, và vỏ chuối quần quanh eo bụng.

Vẫn bám vào đôi giày trượt, Stuart cố tìm đường leo lên bề mặt đồng rác, nhưng khó mà giữ được thăng bằng. Nó trèo lên một đồng bã cà phê, nhưng lên gần tới đỉnh, bã cà phê bỗng chuối dưới chân, và thế là Stuart trượt xuống, đáp trên một vũng chè nếp thừa.

“Mình đoán ra khỏi đây thế nào mình cũng đau bụng,” Stuart nói.

Nó lo lắng kiếm cách trèo lên tới đỉnh, vì nó sợ sẽ bị đọt đổ rác kế tiếp chôn vùi. Khi cuối cùng cũng leo được lên trên, mệt nhoài và hơi hám. Stuart quan sát thấy cái xe không đi thu thêm rác nữa mà nhanh chóng rung rung phóng đi. Stuart ngược mắt ngó mặt trời. “Mình đang đi về hướng Đông,” nó tự nhủ. “Mình không biết thế nghĩa là sao.”

Stuart vô phương thoát khỏi cái xe tải, thành xe quá cao. Nó đành phải đợi.

Khi cái xe về đến sông Đông, một con sông khá bản nhưng hữu dụng, viền lấy bờ Đông của thành phố New York, người lái xe lái luôn ra cầu tàu, cập vào một xà lan rác, và trút rác trong xe xuống. Stuart ngã up và trượt theo cùng bao nhiêu thứ khác, va đầu mạnh đến nỗi nó ngất đi và nằm ngay cán cuốc, như thể chết rồi. Nó cứ nằm như thế phải đến một tiếng đồng hồ, và khi các giác quan hồi phục, nó nhìn quanh, chẳng thấy gì ngoài nước là nước. Chiếc xà lan đang bị kéo ra ngoài biển.

“Chà,” Stuart nghĩ, “đây chắc chắn là việc tệ hại nhất dù với bất kỳ ai. Mình đoán đây sẽ là chuyến đi cuối cùng của mình trong cái thế giới này.” Nó biết rằng mớ rác này sẽ được kéo ra hai mươi dặm rồi đổ xuống Đại Tây Dương. “Mình đoán là mình sẽ chẳng làm gì được,” nó nghĩ, đầy vô vọng. “Mình sẽ chỉ ngồi đây thật can trường và chết như một người đàn ông. Nhưng phải chi mình đừng có chết với trứng bám trên quần và bơ dính trên mũ, nước thịt dầy trên áo, tép cam bám trên tai và vỏ chuối quấn vòng quanh thân.”

Ý nghĩ về cái chết khiến Stuart buồn quá, và nó bắt đầu nghĩ tới nhà nó, tới ba nó, tới mẹ nó, tới anh trai nó và tới Margalo cùng Snowbell, và nó nghĩ mình yêu họ biết bao nhiêu (yêu tất trừ Snowbell) và căn nhà của nó thật dễ chịu xiết bao, đặc biệt lúc sớm mai khi ánh sáng mới lọt qua màn cửa và toàn bộ gia đình ai nấy rục rịch và thức giấc. Nước mắt chảy tràn khi nó nhận thức rằng nó sẽ không bao giờ gặp lại họ được nữa. Nó vẫn đang nức nở như thế thì một giọng nói nhỏ thì thì thầm từ sau lưng:

“Stuart!”

Nó ngoái quanh, qua màn nước mắt, và kia, ngồi trên một cây cải bruxen, là Margalo.

“Margalo!” Stuart kêu lên. “Làm sao *em* đến đây được?”

“Chà,” con chim nói, “Em đang ngó ngoài cửa sổ sang nay thì thấy anh rớt nhà và vô tình em thấy anh rơi vào xe chở rác. Em bay ra ngoài cửa sổ và bám theo xe tải, nghĩ là biết đâu anh cần giúp gì”

“Ờ anh chưa bao giờ gặp ai mà thấy mừng thế này,” Stuart nói. “Nhưng em giúp anh cách nào bây giờ?”

“Em nghĩ nếu anh bám vào chân em, em có thể bay vào bờ với anh,” Margalo nói. “Thử một tí, mất gì. Anh nặng bao nhiêu nhỉ?”

“Khoảng ba *aoxo* ^[10] rưỡi,” Stuart nói.

“Tính cả quần áo?” Margalo hỏi.

“Dĩ nhiên rồi,” Stuart bẽn lễn đáp.

“Thế thì em tin em có thể mang anh được.”

“Chắc sẽ bị chóng mặt đây,” Stuart nói.

“Đừng có nhìn xuống thì sẽ không chóng mặt,” Margalo đáp.

“Chắc sẽ đau quận bụng đây.”

“Chắc chắn là sẽ bị cái này cái kia, nhưng cái gì cũng còn tốt hơn là chết,” con chim đáp.

“Ừ, đúng đấy,” Stuart đồng ý.

“Nào, thế thì leo lên! Chúng mình bắt đầu được rồi.”

Stuart nhét đôi giày trượt vào trong áo, rón rén trèo lên chòm lá xà lách, và nắm chặt hai cổ chân Margalo. “Sẵn sàng!” nó kêu to.

Với một cú đập cánh, Margalo vút lên bầu trời, mang theo Stuart, và cả hai bay trên mặt biển, hướng thẳng về nhà.

“Phù!” Margalo nói, khi cả hai đã tít trên không trung, “Anh hôi kinh, Stuart!”

“Anh biết anh hôi rồi,” Stuart rầu rĩ đáp. “Anh hy vọng việc đó không làm em mệt.”

“Em khó thở quá,” Margalo trả lời. “Còn tim em cứ đập bình bịch trong ngực. Có cái gì anh vút đi được không để cho nhẹ bớt?”

“À, anh vút đôi giày trượt băng này được,” Stuart nói.

“May phước em,” con chim con kêu lên. “Em không biết là anh giấu đôi giày trượt trong áo đâu đấy. Quăng đôi giày nặng đó nhanh đi không là cả hai ta cắm đầu xuống đại dương và biến mất bây giờ.” Stuart quăng đôi giày trượt đi và nhìn chúng lặn xuống, lặn xuống, cho đến khi biến mất trong những làn sóng xám tuốt dưới kia. “Tốt hơn đấy,” Margalo nói. “Giờ tụi mình ổn rồi. Em đã có thể thấy rõ mấy tòa tháp và ống khói của New York rồi.”

Mười lăm phút sau, chúng bay thẳng vào, xuyên qua cửa sổ để mở của phòng khách nhà Little và đáp xuống bụi dương xỉ Boston. Bà Little, người đã để cửa sổ mở sẵn khi không thấy Margalo đâu, giờ vui quá khi thấy cả hai đã về, bởi bà bắt đầu thấy lo lo. Khi nghe chuyện đã xảy ra và biết suýt chút nữa thì mất cậu con trai mình ra sao, bà đặt Stuart trong bàn tay mình, mặc cho quần áo của nó hôi thối khủng khiếp, và hôn nó. Thế rồi bà đưa nó lên lầu để nó tắm một cái, và sai George mang quần áo của Stuart ra tiệm giặt.

“Ngoài Đại Tây Dương trông như thế nào?” ông Little thắc mắc; ông chưa bao giờ đi quá xa khỏi nhà mình.

Thế là Stuart và Margalo bèn kể ông nghe mọi thứ về đại dương, với những con sóng xám cuộn cuộn những chòm bạc, rồi lũ hải âu trên bầu trời, rồi những dãy phao, những tàu thủy, tàu kéo, và gió ù ù thổi trong tai. Ông Little thở dài và nói ông hy vọng có ngày nào đó được thoát khỏi công việc đủ lâu để đi xem những thứ hay ho đó.

Mọi người cảm ơn Margalo vì đã cứu mạng Stuart; và vào bữa tối, bà Little tặng cô nàng một cái bánh nướng tí ti có hạt rắc bên trên.

10. MÙA XUÂN

SNOWBELL, con mèo, thích ban đêm hơn ban ngày. Có thể bởi vì mắt gã thích bóng tối. Nhưng tôi lại nghĩ tại vì luôn luôn có nhiều việc hay ho diễn ra tại New York về đêm.

Snowbell có nhiều bạn quanh vùng. Một số trong đó là mèo nhà, một số là mèo ở cửa hàng. Gã có quen một con mèo xứ Malta ở chợ A&P, một con Ba Tư trắng trong cửa hàng cạnh nhà, một con lông đồi mồi trong cửa hàng bán thức ăn làm sẵn, một con mèo rừng trong thư viện chi nhánh, và một nàng Angora non xinh đẹp trốn thoát khỏi lồng của một cửa hàng thú kiểng trên Đại lộ số Ba và bỏ đi sống đời tự do trong tiệm bán dụng cụ ngay công viên nhỏ cạnh nhà Stuart.

Một đêm mùa xuân đẹp trời, Snowbell trước đó tạt vào thăm nàng Angora trong công viên. Khi gã bắt đầu về nhà, khá trễ, và đêm ấy mới thật đáng yêu làm sao, nàng bảo nàng muốn đi bộ cùng gã cho có bạn. Khi hai con mèo đã về tới cửa nhà Little, chúng cùng ngồi xuống bên gốc một cây nho cao bò dọc một bên nhà, ngang qua cửa phòng ngủ George. Cây nho này rất có ích với Snowbell, và gã có thể leo lên vào ban đêm và bò vào nhà qua cửa sổ phòng George để mở. Snowbell bắt đầu kể bạn hắn nghe về Margalo và Stuart.

“Trời đất,” mèo Angora nói, “ý anh là anh sống cùng nhà với một con chim và một con chuột mà không làm bất cứ điều gì ấy hả?”

“Tình thế là vậy đó,” Snowbell đáp. “Nhưng anh làm được gì nào? Làm ơn nhớ giùm cho anh, thằng Stuart là thành viên của gia đình, và con chim là một khách trọ thường xuyên, hết như anh.”

“Thôi,” bạn của Snowbell nói, “em chỉ còn biết nói là anh giỏi tự chủ hơn em.”

“Chắc chắn rồi,” Snowbell nói. “Tuy nhiên, thỉnh thoảng anh nghĩ mình quá tự chủ đâm ra lại dở. Thời gian gần đây anh cực kì căng thẳng và hay cáu, anh nghĩ đó là tại anh cứ phải kìm nén quá.”

Tiếng hai con mèo càng lúc càng to, và chúng nói to đến nỗi dứt khoát là không nghe được tiếng sột soạt nhẹ nhàng trong bụi nho cách đầu chúng có khoảng một thước. Đó là một con bò câu xám, nãy giờ vẫn ngủ trên ấy, giật mình tỉnh giấc vì tiếng hai con mèo và bắt đầu lắng nghe. “Nghe ra có vẻ là một cuộc nói chuyện lý thú,” chú bò câu tự nhủ. “hay là mình cứ ở đây, xem

liệu có biết được điều gì.”

“Đây này,” chú nghe con mèo Angora nói với Snowbell, “em thừa nhận rằng một con mèo thì phải có nghĩa vụ đối với chủ nhân mình, và trong hoàn cảnh như vậy anh mà chén con Margalo là anh sai. Nhưng *em* không phải là thành viên gia đình anh và chẳng có cái gì ngăn cản *em* chén nó, đúng không nào?”

“Bắt nghĩ ngay lập tức thì anh chịu,” Snowbell nói.

“Thế em cứ thế mà làm,” mèo Angora nói, bắt đầu trèo lên cây nho. Lúc này chú bồ câu đã tỉnh cả ngủ, sẵn sàng bay đi mất, nhưng bên dưới tiếng trao đổi vẫn tiếp tục.

“Đợi một phút,” Snowbell nói, “đừng vội vàng thế. Anh cho rằng em không nên vào đó đêm nay.”

“Sao không?” con mèo kia hỏi.

“Ừm, có một việc, mọi người không cho là em được phép vào nhà. Vào thế là bất hợp pháp, và em sẽ rơi vào rắc rối.”

“Em sẽ chẳng rơi vào rắc rối nào cả,” mèo Angora nói.

“Làm ơn đợi tới đêm mai đi em,” Snowbell nói, chắc nịch. “Tối mai ông bà Little sẽ ra phố, và em sẽ không phải mạo hiểm như thế này. Anh đề nghị thế cũng là vì tốt cho em thôi.”

“Ồ, được thôi,” mèo Angora đồng ý. “Em nghĩ em đợi được. Nhưng nói em chờ để mai em kiếm con chim sau khi đã chui vào nhà.”

“Đơn giản thôi,” Snowbell nói. “Trèo lên cây nho, vào phòng George qua cửa sổ mở, rồi đi xuống lầu và em sẽ thấy con chim ngủ trong bụi dương xỉ Boston trên kệ sách.”

“Quá dễ,” mèo Angora vừa nói vừa liếm mép. “Em xin tuân lệnh ngài.”

“Chà, lại trò cũ!” chú bồ câu thì thầm một mình, và bay đi thật nhanh tìm một mẫu giấy và một cây bút chì, Snowbell chào tạm biệt bạn mình xong, leo lên dây nho và đi ngủ.

Sáng hôm sau, Margalo tỉnh dậy, thấy một mẫu giấy trên cạnh dương xỉ, mẫu giấy nói: CÂN THẬN, MỘT CON MÈO LẠ SẼ TỚI ĐÂY ĐÊM NAY. Dưới có ký MỘT KẺ CHÚC BẠN TỐT LÀNH. Margalo giữ mẫu giấy dưới cánh suốt ngày dài, tự hỏi mình nên làm gì thì hơn, nhưng nó không dám cho bất kỳ ai xem – ngay cả Stuart. Nó không ăn được. Nó quá sợ.

“Mình nên làm gì đây?” nó cứ tự hỏi suốt.

Cuối cùng, ngay trước khi trời tối, nó nhảy lên một ô cửa sổ để mở, và không nói lời nào với bất cứ người nào, nó bay đi thẳng. Lúc đó là mùa xuân, và nó bay về hướng bắc, nhanh hết sức bình sinh, bởi vì có điều gì đó bên

trong bảo với nó rằng, hướng bắc chính là đường bay của một con chim khi mùa xuân tới.

11. CHIẾC Ô TÔ

Suốt ba ngày, mọi người lùng Margalo khắp nhà mà đến một sợi lông cũng không tìm ra.

“Con đoán gặp xuân nó bị bứt rứt,” George nói. “Một con chim bình thường gặp thời tiết kiểu này sẽ không đời nào ở trong nhà.”

“Biết đâu cô nàng có một anh chồng ở đâu đó và đã bay đi gặp chàng,” ông Little đưa ra ý kiến.

“Không hề!” Stuart nức nở, cay đắng. “Nói thế là nói bậy.”

“Sao *em* biết nào?” George hỏi.

“Vì có lần em hỏi rồi,” Stuart kêu lên. “Bạn ấy nói bạn ấy là một con chim độc thân.”

Mọi người tra xét Snowbell tỉ mỉ, nhưng con mèo khăng khăng bảo mình không biết gì về sự biến mất của Margalo. “Cháu không hiểu tại sao mọi người lại biến cháu thành một đứa không ra gì, chỉ vì cái con vô vị không vừa ý ấy xỏ khỏi lòng chứ,” Snowbell cáu kỉnh nói.

Stuart tan nát cõi lòng. Nó không còn muốn ăn, không chịu ngủ và sụt ký. Cuối cùng, nó quyết định sẽ bỏ nhà ra đi mà không nói với ai, bước vào thế giới kia và tìm cho được Margalo. “Trong lúc làm việc ấy, biết đâu mình cũng sẽ tìm thấy vận may cho mình,” nó nghĩ.

Sáng hôm sau trời chưa tỏ, Stuart lấy ra cái khăn tay lớn nhất của mình, và trong đó nó đặt cái bàn chải đánh răng, tiền nong, cục xà phòng, cái lược và bàn chải, một bộ đồ lót sạch, và một cái la bàn bỏ túi.

“Mình phải lấy theo thứ gì đó để còn nhớ tới mẹ,” nó nghĩ. Thế là nó leo lên giường ngủ nơi mẹ nó đang say ngủ, trèo lên sợi dây đèn tới cái bàn của mẹ, và kéo một sợi tóc của bà Little từ chiếc lược ra.

Nó cuộn sợi tóc lại gọn gàng và đặt trong chiếc khăn mùi xoa cùng những thứ kia. Xong nó cuộn mọi thứ thành một bọc và buộc vào đầu một cây gậy gỗ con. Với chiếc mũ nỉ xám đội hếch lên thật điệu dàng một bên đầu, cùng cái bị quàng ngang vai, Stuart êm ả lên khỏi nhà.

“Chào nhé, tổ ấm xinh đẹp,” nó thì thầm. “Ta không biết có còn gặp lại người nữa không.”

Stuart đứng tần ngần mất một lúc trên đường, trước ngôi nhà. Thế giới thật quá rộng lớn để mà dán thân vào đó tìm một con chim lạc. Bắc, Nam,

Đông, hay Tây – hướng nào nó phải đi đây? Stuart quyết định rằng nó cần phải có lời khuyên với một vấn đề quan trọng nhường này, và thế là nó cất bước ngược xuống phố để tìm ông bạn Carey, cái ông bác sĩ nha khoa, chủ của con thuyền Ong Vò Vẽ.

Gặp Stuart, ông nha sĩ rất vui. Ông đưa nó vào thẳng trong phòng mạch, nơi ông đang bận bịu nhổ răng cho một người đàn ông. Tên người đàn ông đó là Edward Clydesdale, và ông đang có bao nhiêu là nùi bông gòn trong má để giữ cho miệng được mở ngon lành và thật rộng. Cái răng ấy là một cái răng khó nhổ, và ông nha sĩ để Stuart ngồi hẳn lên khay dụng cụ để họ có thể nói chuyện trong suốt cuộc nhổ răng.

“Đây là Nhất Stuart, bạn tôi,” ông nói với người đàn ông đang đầy gòn trong miệng.

“’òe ’ứ, Sua,” người đàn ông đáp, ráng hết sức.

“Rất khỏe ạ, cảm ơn ông, Stuart đáp.

“Nào, có chuyện gì nào, Stuart?” bác sĩ Carey vừa hỏi vừa siết cái răng của ông kia bằng một cây kim và kéo mạnh.

“Cháu bỏ nhà đi sáng nay,” Stuart giải thích. “Cháu sắp bước ra ngoài thế giới kia để tìm kiếm vận may và để tìm một con chim lạc. Ông nghĩ là cháu nên bắt đầu từ hướng nào?”

Nha sĩ Carey vặn cái răng một tí và lay tới lay lui. “Con chim màu gì?” ông hỏi.

“Nâu,” Stuart nói.

“Nên đi hướng Bắc,” ông Carey nói. “Ông có nghĩ thế không, ông Clydesdale?”

“’ìim ’ong ’ông ’entral ’ark ấy,” ông Clydesdale nói.

“Cái gì cơ?” Stuart kêu lên.

“’Ồi ’ôi ’ìim ’ong ’ông ’iên ’entral ’ark,” Ông Clydesdale nói.

“Ông ấy nói tìm trong công viên Central Park,” nha sĩ Carey giải thích, chèn thêm một cục gòn lớn vào trong má ông Clydesdale. “Gợi ý ấy hay lắm đấy chứ. Thường người sâu răng lại có lắm ý hay. Central Park là chỗ ưa thích của bọn chim vào mùa xuân mà.” Ông Clydesdale gật đầu rất hăng, và có vẻ lại sắp nói nữa.

“’ều ’ông ’ìim ’ược ’on ’im ’ong ’entral ’ark, ’ắt ’àu ’uyển ’ew ’ork ’ew ’aven ’& ’artfort ’à ’ìim ’ở ’onnecticut.”

“Cái gì ạ?” Stuart kêu to, thích thú trước kiểu nói chuyện mới này. “Ông nói sao cơ, ông Clydesdale?”

“’ều ’ông ’ìim ’ược ’on ’im ’ong ’ông ’iên ’entral ’ark, ’ắt ’àu ’uyển ’ew

'ork 'ew 'aven '& 'artfort 'à 'im 'ở 'onnecticut."

"Ông ấy nói nếu không tìm được con chim trong Công viên Central Park, lấy tàu tuyến New York New Haven & Hartford rồi tìm ở Connecticut ấy," nha sĩ Carey nói. Thế rồi ông lấy những cục gạc từ miệng ông Clydesdale ra. "Súc miệng nào!" ông nói.

Ông Clydesdale lấy một ly nước súc miệng đặt ngay cạnh ghế và súc miệng.

"Cho tôi biết, Stuart," nha sĩ Carey hỏi. "Cậu sẽ đi bằng gì? Cuộc bộ à?"

"Vâng, thưa ông," Stuart đáp.

"Chà, tôi nghĩ tốt hơn cậu nên có một cái xe hơi. Nhỏ cái răng này xong, chúng ta sẽ xem có thể làm gì được cho vụ này nhé. Há miệng ra nào, ông Clydesdale."

Nha sĩ Carey lại dùng kim kẹp lấy cái răng một lần nữa, và lần này ông kéo nó mới lâu làm sao và mạnh làm sao, và trước sự kiên quyết nhường ấy, cái răng bật ra, thật là nhẹ nhõm cho tất cả mọi người, đặc biệt cho ông Clydesdale. Rồi ông nha sĩ bèn dẫn Stuart vào trong một căn phòng khác.

Ông lấy từ trên kệ xuống một chiếc ô tô tí xíu, chỉ dài khoảng sáu inch ^[11] – Stuart chưa từng thấy chiếc ô tô tí hơn nào hoàn hảo đến thế.

Đó là một chiếc ô tô thuần dài màu vàng tươi với những cái chắn bùn màu đen, được thiết kế trang nhã. "Tự tôi làm đấy," nha sĩ Carey nói. "Tôi thích làm những mô hình xe với thuyền và đủ các thứ khác những khi không phải nhổ răng. Chiếc xe này có một động cơ thật chạy bằng xăng. Nó mạnh kinh đây – cậu nghĩ cậu điều khiển được nó không, Stuart?"

"Dĩ nhiên rồi," Stuart đáp, nhìn vào chỗ ngồi của tài xế và nhấn còi. "Nhưng nó sẽ không làm người ta quá chú ý đấy chứ? Mọi người sẽ không dừng lại mà nhìn chăm chăm vào một cái xe bé thế này chứ?"

"Thấy được thì mới nhìn thế," nha sĩ Carey đáp, "nhưng sẽ chẳng ai thấy được cậu hay cái xe đâu."

"Sao lại không ạ?" Stuart hỏi.

"Vì đây là một chiếc xe hơi cực kỳ hiện đại. Không những vô thanh mà còn vô hình. Không ai thấy nó được."

"Cháu thấy nó được," Stuart nhận xét.

"Nhấn cái nút con kia đi!" ông nha sĩ nói, chỉ một cái nút trên bảng công cụ. Stuart nhấn cái nút. Ngay lập tức cái xe biến mất.

"Giờ nhấn lại lần nữa nào," ông nha sĩ nói.

"Làm sao nhấn được khi cháu không thấy được nó đâu?" Stuart hỏi.

“Sờ quanh xem.”

Thế là Stuart sờ quanh cho đến khi tay nó chạm phải cái nút. Có vẻ như đúng cái nút ấy, và Stuart nhấn. Nó nghe một tiếng ken két nho nhỏ và cảm thấy có thứ gì đó trượt đi bên dưới bàn tay nó.

“Ấy, coi chừng!” nha sĩ Carey hét to. “Cậu bấm nút khởi động. Nó chạy mất rồi. Nó chạy rồi! Nó chạy ra rồi! Nó chạy loạn trong phòng – giờ thì đừng hòng bắt được nó nữa.” Ông tóm lấy Stuart và đặt nó lên một cái bàn nơi nó sẽ không bị một chiếc xe đang chạy lòng lên húc phải.

“Ồi trời ơi!Ồi trời ơi!” Stuart kêu to khi nhận ra điều mình mới làm. Thật là một tình thế rầy rà hết sức. Cả nha sĩ Carey lẫn Stuart đều không thấy được chiếc ô tô con, trong khi nó vẫn đang phóng loạn trong phòng bằng hết tốc lực, tông vào mọi thứ. Đầu tiên là một tiếng đùng ngay bên lò sưởi. Cái chổi quét lò đổ xuống. Nha sĩ Carey nhảy tới và vội chụp đúng chỗ phát ra tiếng động. Nhưng dù đã rất nhanh, ông vẫn chụp hụt, khi lại một âm thanh khác phát ra ngay thùng rác.

Ông nha sĩ lại chụp lần nữa. Chụp! Ầm! Chụp! Ầm! Ông nha sĩ chạy đua khắp phòng, hết chụp lại hụt. Gần như không tài nào tóm được chiếc ô tô đồ chơi vô hình nhanh như cắt, ngay cả khi người ta có là một ông nha sĩ khéo tay đi chăng nữa.

“Ồi, ời,” Stuart kêu to, nhảy lên nhảy xuống. “Cháu xin lỗi, nha sĩ Carey, cháu xin lỗi vô cùng!”

“Lấy một cái vợt bắt bướm!” ông nha sĩ hét lên.

“Không làm được,” Stuart nói. “Cháu không đủ to để mang một cái vợt bắt bướm.”

“Đúng vậy,” nha sĩ Carey nói. “Tôi quên mất. Cho tôi xin lỗi, Stuart.”

“Chiếc xe thể nào cũng phải dừng,” Stuart nói, “vì nó sẽ hết xăng.”

“Cũng đúng nốt,” nha sĩ nói. Và thế là ông với Stuart ngồi xuống và kiên nhẫn chờ cho đến khi không còn nghe thấy bất kì tiếng đùng nào trong phòng nữa. Thế rồi ông nha sĩ chống hai tay hai chân xuống và bò cẩn trọng khắp phòng, sờ chỗ này chỗ kia, cho đến khi cuối cùng, ông tìm thấy chiếc xe. Nó trong lò sưởi, chôn ngập tới tận nóc trong đống tro. Ông nha sĩ nhấn đúng cái nút và chiếc xe hiện hình trở lại, những cái cản sóc của nó quăn queo, bộ tản nhiệt bị thủng, đèn xe vỡ, kính chắn gió vỡ nát, bánh trước bên phải thủng, và sơn vàng tróc đầy ra từ mũi xe.

“Một đồng thể này!” ông nha sĩ rên rỉ. “Stuart, tôi hy vọng đây sẽ là một bài học cho cậu: đừng bao giờ ấn một cái nút trên một chiếc ô tô nếu cậu không chắc cậu đang làm gì.”

“Vâng, thưa ông,” Stuart đáp, và mắt nó đầy lệ, mỗi giọt nhỏ hơn một giọt sương. Sáng hôm ấy thật bất hạnh, và Stuart thấy nhớ nhà. Nó biết chắc nó sẽ không bao giờ gặp lại Margalo được nữa.

12. LỚP HỌC

Trong lúc nha sĩ Carey sửa chiếc xe, Stuart đi mua sắm. Nó quyết định rằng, vì sắp làm một chuyến đi dài bằng ô tô, nó nên có quần áo thích hợp. Nó tới một cửa tiệm đồ búp bê, ở đó có những thứ hợp kích cỡ nó, và tự sắm sửa toàn bộ, với va li, đồ vest, sơ mi, và đồ phụ kiện mới. Nó trả tiền cho tất cả mọi thứ và hài lòng với những thứ mình sắm được. Đêm đó nó ngủ trong căn hộ của ông nha sĩ.

Sáng hôm sau, Stuart khởi hành sớm, tránh kẹt xe. Nó nghĩ sẽ là một ý hay nếu lên đường trước khi có quá nhiều xe hơi và xe tải. Nó lái xuyên công viên Central Park, tới đường Một Trăm và đường Mười, rồi sang xa lộ West Side, rồi theo hướng Bắc tới đại lộ Saw Mill River. Chiếc xe chạy ngon và mặc dù người ta cứ hay nhìn chằm chằm, Stuart không lấy đó làm điều khó chịu. Nó thật cẩn thận để không ấn phải cái nút đã gây biết bao nhiêu phiền phức vào hôm trước. Nó quyết định rằng sẽ không bao giờ dùng cái nút ấy lần nữa.

Ngay khi mặt trời lên cao, Stuart thấy một người đàn ông ngồi suy tư bên vệ đường. Stuart tắt xe vào, dừng lại, thò đầu ra.

“Anh có chuyện gì lo lắng phải không?” Stuart hỏi.

“Vâng, đúng rồi,” người đàn ông nói; anh ta cao và nhã nhặn.

“Mà này tôi giúp được gì cho anh nào?” Stuart hỏi bằng giọng thân thiện.

Người đàn ông lắc đầu. “Tôi đồ rằng đây là một tình huống không làm gì được,” anh ta đáp. “Câu biết đấy, tôi là Tổng giám thị của các trường học trong thành phố này.”

“Đó đâu phải là một tình huống không làm gì được,” Stuart nói. “Tệ, nhưng không phải là không làm gì được.”

“Chà,” người đàn ông tiếp tục, “tôi luôn luôn gặp phải những vấn đề không giải quyết được. Thí dụ hôm nay, một trong những giáo viên của tôi bị bệnh – tên cô này là Gunderson. Cô ấy dạy ở trường Số Bảy. Tôi phải tìm người thay thế cô ấy, một giáo viên thế chỗ cho cô ấy.”

“Thế cô ấy bị sao?” Stuart hỏi.

“Tôi không biết chính xác. Bác sĩ nói có thể cô ấy bị đá thận^[12],” Tổng Giám thị đáp.

“Thế anh không tìm được giáo viên khác à?” Stuart hỏi.

“Không, thế mới là vấn đề. Chẳng có ai trong thành phố này biết bất kỳ cái gì, không có giáo viên dư nào, không có cái gì cả. Mà lớp thì phải bắt đầu trong một tiếng nữa.”

“Tôi sẽ rất vui nếu được thế chỗ cô Gunderson trong một ngày, nếu anh muốn,” Stuart đề nghị một cách dễ chịu.

Anh Tổng Giám thị ngược mắt lên.

“Thật chứ?”

“Dĩ nhiên rồi,” Stuart nói. “Rất lấy làm hận hạnh.” Nó mở cửa chiếc xe nhỏ và bước ra ngoài. Đi vòng qua đuôi xe, nó mở khoang đựng hành lý và lôi cái va li của nó ra. “Nếu điều khiển một lớp học trong một trường học, tốt hơn là tôi thay cái bộ đồ lái xe này ra và mặc cái gì thích hợp hơn,” nó nói. Rồi nó trèo lên vệ đường, đi vào bụi cây, và vài phút sau quay ra lại, bận một cái quần soọc cũ, khoác một cái áo khoác màu muối tiêu, thắt một cái nơ kiểu Windsor, và đeo cặp kính. Nó quần mớ quần áo kia lại và nhét vào va li.

“Cậu nghĩ cậu duy trì trật tự lớp nổi không?” Tổng Giám thị hỏi.

“Dĩ nhiên là được,” Stuart đáp. “Tôi sẽ khiến cho công việc thành thú vị và tự thế mà có trật tự. Đừng có lo cho tôi.”

Người đàn ông cảm ơn nó và họ bắt tay nhau.

Vào lúc chín giờ kém mười lăm, học trò đã tụ tập trong ngôi trường Số Bảy. Khi thấy thiếu mất cô Gunderson và nghe đồn sẽ có người thay thế, bọn chúng đều thích thú.

“Một người dạy thế!” Đứa này thì thầm với đứa kia. “Một người dạy thế, một người dạy thế!”

Tin tức lan nhanh, và chẳng mấy chốc học trò trong trường đều biết sẽ được thoát khỏi cô Gunderson ít nhất một ngày và sắp được nếm trải cái trải nghiệm tuyệt vời là được một giáo viên lạ hoắc đến dạy – một người mà chưa ai từng gặp bao giờ.

Stuart đến lúc chín giờ. Nó nhanh nhẹn đậu xe ở cửa trường, bước hiên ngang vững chãi vào lớp học, tìm thấy một cái thước tựa vào bàn cô Gunderson, và tay này bắt tay kia mà trèo lên bàn. Ở đó nó thấy có một bình mực chấm, một que chỉ bảng, mấy cây bút mực với bút chì, một bình mực, một ít phấn, một cái chuông, hai cái kim ghim, và ba hay bốn cuốn sách chồng thành một chồng. Stuart thoăn thoắt bò lên đầu chồng sách và nhảy lên cái nút chuông.

Stuart đủ nặng để làm cái chuông reng, và rồi nhanh nhẹn trượt xuống, đi tới phía trước cái bàn giấy, và nói:

“Làm ơn chú ý!”

Bọn con trai và con gái tụ lại quanh cái bàn và nhìn vào người dạy thể. Tất cả cùng ồ lên và có vẻ hết sức vui thích. Đám con gái cười khúc khích và đám con trai cười ha ha, mắt đứa nào đứa nấy sáng bừng vì phấn khích khi nhìn thấy một giáo viên bé đến thể lại xinh đến thế, ăn mặc lại lịch quá là lịch.

“Làm ơn chú ý!” Stuart lặp lại. “Các trò biết đấy, cô Gunderson bị bệnh và tôi thế chỗ cô ấy.”

“Cô ấy bị sao thế?” Roy Hart hớn hờ.

“Rối loạn vitamin,” Stuart đáp. “Cô ấy dùng vitamin D trong khi cần là vitamin A. Cô ấy dùng B trong khi lại thiếu C, và hệ thống trong người cô ấy quá tải vì riboflavin, thiamine, hydrochloride, và thậm chí cả pyridoxine, mà người ta lại chưa rõ về nhu cầu dinh dưỡng của con người với những thứ ấy. Chúng ta lấy đó làm một bài học luôn vậy!”

Nó liếc một cách hung tợn về phía đám trẻ con và đám trẻ thôi không thắc mắc gì thêm về cô Gunderson.

“Mọi người giờ ngồi vào chỗ mình đi!” Stuart ra lệnh. Đám trẻ ngoan ngoãn tuân lệnh xếp hàng đi xuống lối đi và chui vào chỗ ngồi của mình, và mất một lúc, cả lớp im phăng phắc. Stuart hắng giọng. Mỗi bàn tay xiết lại một bên ve áo cho giống giáo sư, Stuart bắt đầu.

“Có ai vắng mặt không?”

Học trò lắc đầu.

“Có ai đi trễ không?”

Bọn trẻ lắc đầu.

“Tốt lắm,” Stuart nói. “Buổi sáng các trò thường học môn gì trước tiên?”

“Số học,” đám trẻ la to.

“Số học chán ngắt!” Stuart quát. “Bỏ qua đi.”

Vang lên những tiếng gào hoang dã vì hào hứng trước đề nghị này. Cả lớp dường như hoàn toàn mong muốn có một ngày được bỏ qua môn Số học.

“Kế tới các trò học môn gì?” Stuart hỏi.

“Đánh vần,” đám trẻ hét to.

“Chà,” Stuart nói, “một từ đánh vần sai là một sự ghê tởm trong mắt mọi người. Tôi cho rằng đánh vần chuẩn các từ là một việc hay ho và tôi tha thiết đề nghị từng người trong các trò mua ngay một cuốn từ điển bỏ túi của Webster và bất kỳ lúc nào có nghi hoặc gì nhỏ nhất là đem ra tra ngay. Chẳng còn gì để nói về đánh vần nữa cả. Kế là môn gì?”

Đám học trò hài lòng quá vì được thoát khỏi môn Đánh vần cũng như đã thoát khỏi môn Số học, và chúng thét lên vì vui sướng, đứa này nhìn đứa kia

và cười và vẫy khăn tay với thước kẻ, một vài thằng con trai lại còn ném đạn giấy vào một vài đứa con gái. Stuart phải trèo lên chồng sách lần nữa và vồ lấy cái chuông để giữ trật tự. “Kế là môn gì?” Nó nhắc lại.

“Tập viết,” đám học trò kêu lên.

“Trời đất,” Stuart nói một cách ghê tởm, “bọn trẻ con các trò bộ chưa biết viết sao?”

“Dĩ nhiên là biết chứ ạ!” Cả đám đông cùng thét lên.

“Thế thì không còn gì để nói nữa,” Stuart bảo.

“Kế là các môn khoa học xã hội,” Elizabeth Gardner nôn nóng kêu to.

“Khoa học xã hội? Chưa từng nghe,” Stuart nói. “Thay vì học môn đặc biệt nào đó sáng nay, tôi có ý hay là sao chúng ta lại không cứ thế mà ngồi nói về một điều gì nhỉ?”

Đám học trò liếc nhau chờ đợi.

“Chúng ta có thể nói về chuyện giữ một con rắn trong tay và rồi để nó quấn quanh cổ tay thì thấy thế nào không ạ?” Arthur Greenlaw nói.

“Có thể, nhưng tôi thì không nên,” Stuart đáp.

“Chúng ta có thể nói về tội ác và truy lục không ạ?” Lydia Lacey nài nỉ.

“Không,” Stuart nói. “Thử lần nữa đi.”

“Chúng ta có thể nói về cái bà béo ở gánh xiếc mọc râu quanh cằm không?” Isidor Feinberg khẩn nài, vẽ hồi tưởng.

“Không,” Stuart nói. “Đây để tôi bảo, hãy nói về Đức Vua của Thế giới.” Nó nhìn quanh lớp học đầy hy vọng, xem đám trẻ thích ý tưởng này đến cỡ nào.

“Có Đức Vua nào của Thế giới đâu?” Harry Jamieson cảm phần nói. “Thì có khác gì nào?” Stuart nói. “Khiếu gì cũng phải có một ông.”

“Vua là xưa rồi,” Harry nói.

“Rồi, thế thì nói về ông Chủ tịch của Thế giới vậy. Thế giới rơi vào bao nhiêu là rắc rối chỉ vì không có một ông chủ tịch. Tôi ước gì chính tôi được là Chủ tịch của Thế giới.”

“Thầy quá bé,” Mary Bendix nói.

“Ồ, chuyện tép!” Stuart nói. “Kích cỡ chẳng liên quan gì tới chuyện ấy. Đáng kể chẳng là tính khí và khả năng. Chủ tịch thì phải có khả năng và phải biết cái gì là quan trọng. Có bao nhiêu người trong số các trò biết cái gì là quan trọng nào?”

Mọi cánh tay giơ thẳng lên.

“Giỏi lắm,” Stuart nói, ghéch chân này lên chân kia và thọc hai tay vào hai túi áo khoác. “Henry Rackmeyer, nói chúng tôi nghe xem cái gì là quan

trọng nào.”

“Một tia nắng cuối chiều tà, một nốt nhạc trong bản nhạc, mùi giày trẻ con khi mẹ nó giữ nó được sạch sẽ.” Henry nói.

“Đúng,” Stuart nói. “Đó là những thứ quan trọng. Tuy nhiên trò quên một điều. Mary Bendix, Henry Rackmeyer quên gì nào?”

“Trò ấy quên kem trên có xốt sô cô la.” Mary đáp nhanh.

“Chính xác,” Stuart nói. “Kem là quan trọng. Chà, nếu sáng nay tôi mà thành Chủ tịch của Thế giới, chúng ta phải có một số luật ngay, bằng không sẽ vô cùng rối, mỗi người chạy một cách, tha hồ tự tiện và chẳng ai cư xử cho ra hồn. Chúng ta phải có một số luật nếu chơi trò chơi này. Có trò nào đề ra được luật gì hay ho cho thế giới không?”

Albert Fernstrom giơ tay. “Đừng ăn nắm. Chúng dễ là nắm độc lắm,” Albert đề xuất.

“Đó không phải là luật,” Stuart nói, “đó chỉ là một lời khuyên có chút thân tình. Lời khuyên rất tốt, Albert à, nhưng lời khuyên với luật không phải là một. Luật nghiêm hơn lời khuyên. Luật phải cực nghiêm. Có ai khác nghĩ ra được một luật cho thế giới không nào?”

“Liệu hồn khi chôm chia bất cứ cái gì.” John Poldowski nói, nghiêm trang.

“Rất tốt,” Stuart nói. “Luật này hay đấy.”

“Không bao giờ đánh bả bất cứ cái gì, trừ chuột cống.” Anthony Brendist nói.

“Không hay,” Stuart nói. “Thế là không công bằng với chuột cống. Luật thì với ai cũng phải công bằng.”

Anthony ngó hờn dỗi. “Nhưng chuột cống bắt công với chúng ta,” nó nói. “Chuột cống chẳng ai ưa.”

“Tôi biết là thế,” Stuart nói. “Nhưng từ quan điểm chuột cống mà nói, đánh bả cũng chẳng ai ưa. Một Chủ tịch phải biết nhìn mọi khía cạnh của một vấn đề.”

“Thế thầy có quan điểm của một con chuột cống không?” Anthony hỏi. “Thầy trông cũng hơi giống chuột cống.”

“Không,” Stuart đáp, “tôi chỉ có quan điểm cao hơn một con chuột nhắt, mà cái đó thì rất khác. Tôi nhìn mọi vật một cách toàn thể. Rõ ràng đối với tôi chuột cống có bị thiệt thòi. Họ không bao giờ có thể ra ngoài công khai.”

“Chuột cống không thích ra ngoài công khai,” Agnes Beretska nói.

“Đó là bởi vì mỗi khi ra ngoài thì đều có ai đó ném họ. Chuột cống có thể sẽ thích công khai nếu họ được phép sử dụng cái công khai đó. Còn ý tưởng

nào cho luật không?”

Agnes Beretska giơ tay. “Phải có luật nào chống đánh nhau chứ.”

“Không thực tế,” Stuart nói. “Con người thích đánh nhau. Nhưng trò nói gần đúng rồi đấy, Agnes”.

“Không được đánh nhau ạ?” Agnes rụt rè hỏi. Stuart lắc đầu.

“Tuyệt đối không được xấu tính.” Mildred Hoffenstein đề xuất.

“Luật rất hay.” Stuart nói. “Khi tôi lên làm Chủ tịch, bất kỳ ai xấu tính với người khác sẽ bị quở phạt.”

“Chẳng tác dụng gì đâu,” Herbert Prendergast nhận xét. “Một số người bản tính tự nhiên là xấu tính. Albert Ferstrom luôn luôn nhỏ nhen với em.”

“Tôi không bảo là luật ấy sẽ có tác dụng.” Stuart nói. “Nó là một luật hay và chúng ta cứ thử nó đi. Chúng ta sẽ thử nó ngay tại đây bây giờ. Ai đó chơi xấu ai đó đi nào. Harry Jamieson, trò tỏ ra xấu tính với Katharine Stableford đi. Giờ, đợi một phút, trò có cái gì trong tay đó, Katharine?”

“Một cái gối nhỏ xíu xíu nhồn nhụa thơm ạ.”

“Trên đó có ghi ‘Vì bạn tôi hao mòn, vì bạn tôi tỏa thơm’ không?”

“Có ạ.” Katharine nói.

“Trò có thích nó lắm không?” Stuart hỏi.

“Dạ, thích lắm ạ,” Katharine nói.

“OK, Harry, giật lấy nó, lấy nó đi!”

Harry chạy tới chỗ Katharine ngồi, giật lấy cái gối nhỏ từ tay con bé, và chạy về chỗ ngồi trong khi Katharine thét lên.

“Nào bây giờ,” Stuart nói bằng giọng dữ tợn, “guột đấy, nhân dân của tôi, trong lúc Chủ tịch của các người tham khảo sách luật!” Nó giả vờ như lật một cuốn sách. “Đây rồi. Trang 492. ‘Tuyệt đối không được xấu tính.’ Trang 560. ‘Liệu hồn khi chôm chia bất kỳ cái gì.’ Harry Jamieson đã phạm hai luật – luật chống xấu tính và luật chống chôm chia. Bắt lấy Harry và giữ cậu ta lại trước khi cậu trở nên quá xấu tính đến nỗi người ta khó mà nhận ra cậu được nữa! Nào!”

Stuart chạy kiểm cây thước và leo xuống, như một người lính chữa lửa leo xuống một cây cột trong một ngôi nhà cháy. Nó chạy về phía Harry, và những đứa trẻ khác đang ngồi nhảy bắn lên từ dưới phóng lên, từ trên phóng xuống dọc theo những dây bàn và tụ cả lại quanh Harry trong khi Stuart đề nghị thằng bé buông cái gối con ra. Harry trông hoảng sợ, mặc dầu nó biết đây chỉ là một thí nghiệm. Nó đưa Katharine cái gối.

“Đấy, có tác dụng khá đấy chứ.” Stuart nói. “Không được xấu tính là một luật hay tuyệt hảo.” Nó quệt mặt bằng cái khăn tay, do nó ngột cả người vì

phải nỗ lực vào vai Chủ tịch Thế giới. Việc đó hóa ra phải chạy, phải nhảy, phải trườn nhiều hơn nó tưởng. Katharine thì vô cùng hài lòng đã lấy lại được cái gối.

“Cho coi cái gối con đó một phút nào,” Stuart nói, sự tò mò của nó đang bắt đầu thắng nó. Katharine cho nó coi cái gối. Cái gối dài đúng bằng chiều cao Stuart, và Stuart bắt chột nghĩ cái này mà làm giường thì mới tốt mới thơm tho mới ngọt ngào làm sao. Nó bắt đầu muốn có cái gối.

“Đó là một thứ rất đẹp,” Stuart bảo, cố giấu lòng ham muốn của nó đi. “Trò không muốn bán nó chứ hả?”

“Ồ, không ạ,” Katharine đáp. “Đó là quà tặng đấy ạ.”

“Tôi đồ rằng quả này là của một cậu trai mà trò gặp ở hồ Hopatcong mùa hè rồi, và nó nhắc trò nhớ tới cậu ấy,” Stuart thì thầm, mơ màng.

“Vâng, đúng thế ạ,” Katharine bẽn lễn đáp.

“À,” Stuart nói, “những mùa hè thật tuyệt vời, đúng không, Katharine?”

“Vâng, và hè rồi là hè tuyệt nhất em từng có trong đời.”

“Tôi hiểu,” Stuart đáp. “Trò chắc trò không muốn bán cái gối nhỏ đó chứ?”

Katharine lắc đầu.

“Không thể trách trò được,” Stuart lặng lẽ đáp. “Mùa hè là quan trọng. Nó như một tia nắng.”

“Hay như một nốt trong bản nhạc,” Elizabeth Acheson nói.

“Hay như mùi gáy trẻ con khi mẹ nó giữ nó được sạch sẽ,” Marilyn Roberts nói.

Stuart thở dài. “Chớ bao giờ quên những mùa hè, các trò thân mến,” nó nói. “Chà, tôi sắp phải đi thôi. Thật vui được biết tất cả các trò. Lớp được nghỉ.”

Stuart sải bước nhanh ra cửa, trèo vào trong chiếc xe hơi, và vẫy một cái vẫy tay cuối cùng, nó lái thẳng theo hướng Bắc, trong lúc bọn trẻ con chạy ào một bên xe và gào lên “Tạm...biệt, tạm...biệt, tạm...biệt!” Chúng thấy đều muốn ngày nào cũng có một người dạy thế, thay cho cô Gunderson.

13. THỊ TRẤN AMES' CROSSING

Trong cái thị trấn xinh đẹp nhất mọi thị trấn ấy, nơi những ngôi nhà đều trắng đều cao và những cây đu đều xanh đều cao hơn những ngôi nhà; nơi những khoảnh sân trước đều rộng đều dễ chịu và những khoảnh sân sau đều rậm rạp đều đáng mày mò; nơi những con đường đổ cả về con suối và con suối lặng lẽ chảy dưới cây cầu; nơi những bãi cỏ kéo tới tận những vườn ăn trái và những vườn ăn trái kéo tới tận những cánh đồng, rồi những cánh đồng kéo tới tận những đồng cỏ và những đồng cỏ leo tới tận lên đồi, xong biến mất nơi đỉnh đồi hướng về bầu trời cao rộng tuyệt vời; trong cái thị trấn đẹp nhất mọi thị trấn này Stuart dừng lại để uống một chai nước thổ phục linh.

Đậu xe trước cửa hàng tạp hóa, nó bước ra và ngắm đẹp tới mức nó ngồi ngay xuống hè nhà một lúc để thưởng thức cảm giác được ở một nơi mới mẻ vào một ngày đẹp trời. Đây là nơi yên bình nhất và đẹp nhất mà nó tìm thấy trong suốt chuyến du hành.

Có vẻ như đó là nơi mà nó sẵn sàng dành cả phần đời còn lại để sinh sống, phải như không có chuyện một ngày kia nó có thể nhớ nhung khung cảnh New York và nhớ gia đình mình, ông bà Frederick C. Little và George, và phải như bỏ qua cái việc là sâu xa trong lòng nó, có một thứ gì đó thôi thúc nó phải đi tìm cho ra Margalo.

Một lát sau, người chủ tiệm bước ra ngoài làm một điều thuốc, và ông ngồi xuống cùng Stuart trên bậc cấp trước nhà. Ông vừa mới định mời nó một điều thì nhận ra nó mới bé làm sao, liền đổi ý.

“Ông có chai thổ phục linh nào trong cửa hàng không?” Stuart hỏi. “Cháu khát lắm hại luôn.”

“Có chứ,” chủ tiệm nói. “Cả đồng. Thổ phục linh, nước xá xị, nước vò bạch dương, nước gừng, Moxie, xô đa chanh, Coca Cola, Pepsi Cola, Dipsi Cola, Pipsi Cola, Popsi Cola, và nước tăng lực vị kem mâm xôi. Muốn gì cũng có.”

“Cho cháu một chai thổ phục linh.” Stuart nói, “ và một cái ly giấy.”

Chủ tiệm đi vào trong và quay ra với chai nước. Ông mở chai, rót ra ly, đặt cái ly trên bậc cấp bên dưới Stuart; Stuart cởi mũ ra, nằm bò toài, dung cái mũ như một cái muôi và múc vài ngụm nước mát lạnh.

“Tình cả người,” Stuart nhận xét. “Đi du hành, không gì bằng đang nóng

nực mà được làm một hơi nước mát.”

“Cậu đang đi xa à?” Chủ tiệm hỏi.

“Có lẽ rất xa,” Stuart đáp. “Cháu đang tìm một cô chim nhỏ tên Margalo. Chắc ông chưa bao giờ thấy cô ấy đâu nhỉ?”

“Chắc là chưa...” chủ tiệm nói. “Trông cô ấy như thế nào?”

“Đẹp tuyệt vời,” Stuart đáp, dung mép tay áo quạt nước thô phục linh bám trên môi. “Cô ấy là một cô chim đặc biệt. Cô ấy đến từ một nơi có nhiều cây kể.”

Ông chủ tiệm nhìn Stuart chăm chú.

“Cậu cao bao nhiêu?” Ông hỏi.

“Ý ông là không kể giày?” Stuart hỏi lại.

“Ừ.”

“Hai inch một phần tư đúng,” Stuart đáp. “Nhưng gần đây cháu không đo. Có thể từ đó đến giờ cháu cao thêm một tẹo.”

“Cậu biết đấy,” chủ tiệm nói, vẻ suy tư, “trong thị trấn này có một người mà cậu thực sự cần phải gặp.”

“Ai thế ạ?” Stuart vừa hỏi vừa ngáp.

“Harriet Ames,” chủ tiệm nói, “Cô ấy cỡ bằng cậu thôi, nếu có thấp hơn thì cũng chỉ một tẹo.”

“Trông cô ấy thế nào ạ?” Stuart hỏi. “Đẹp, béo và khoảng bốn mươi?”

“Không, Harriet trẻ và khá xinh đẹp. Cô ấy còn được coi là một trong những cô gái ăn vận đẹp nhất thị trấn này. Tất cả quần áo của cô ấy đều được may đặc biệt riêng cho cô ấy.”

“Thế cơ á?” Stuart kêu lên.

“Ừ. Harriet là một cô gái rất tuyệt. Gia đình cô, nhà Ames ấy, khá là nổi trong thị trấn này. Tổ tiên của cô ấy trước đây từng có người chở phà trong thời Cách mạng. Ai muốn qua dòng là ông ấy đưa tất, chẳng quan tâm đó là lính Anh hay lính Mỹ, cứ trả tiền phà là đưa thôi. Tôi đoán là ông ấy kiếm bộn. Kiểu gì thì nhà Ames thời nào cũng lắm tiền. Họ sống trong một căn nhà to với bao nhiêu kẻ hầu người hạ. Tôi tin Harriet sẽ rất thích khi được gặp cậu.”

“Ông tử tế quá,” Stuart đáp, “nhưng dạo này cháu không giao tiếp nhiều. Di chuyển quá mà. Chẳng ở đâu lâu được - cứ vù vào một thị trấn rồi lại vù ra ngay, nay đây, mai đó, quá như ma trôi. Muốn tìm cháu thì chỉ có ra đường, đường chính, đường phụ, lúc nào cũng đi tìm Margalo. Thỉnh thoảng cháu có cảm giác rất gần cô ấy, như quẹo khỏi khúc quanh là gặp được ngay. Lại có lúc cháu có cảm giác như sẽ không bao giờ tìm thấy cô ấy nữa, không bao giờ

nghe được giọng cô ấy nữa. Nói chuyện này lại nhớ ra, đến giờ cháu lên đường rồi.”

Stuart trả tiền nước, chào tạm biệt ông chủ tiệm, và lái xe đi.

Nhưng Ames' Crossing có vẻ là thị trấn đẹp nhất từ trước tới nay với Stuart, và trước khi đến được đầu mút của con đường chính, nó thành linh quẹo trái, rẽ vào một con đường bụi bặm, và lái xuống một nơi yên tĩnh bên bờ suối. Buổi chiều đó Stuart bơi và nằm ngửa trên bờ rêu, hai tay bắt chéo đặt dưới gáy, ý nghĩ quay về cuộc đối thoại với ông chủ tiệm.

“Harriet Ames,” nó thầm thì.

Trời đổ tối mà Stuart vẫn còn luẩn quẩn bên dòng nước. Nó ăn tối nhẹ nhàng với bánh mì kẹp pho mát mà uống một cốc nước, ngủ qua đêm trong cỏ mềm với tiếng suối bên tai.

Sáng ra, mặt trời mọc âm áp và sáng bừng, và Stuart lại bò xuống sông lần nữa để làm một trận tắm sớm. Sau bữa điểm tâm, nó giấu xe bên dưới một lá bắp cải đại rồi đi bộ ngược về bưu điện. Trong lúc đang bơm mực cho cái bút máy từ bình mực công, nó vô tình liếc về phía cửa, và điều nó thấy làm nó giật mình đến nỗi suýt mất thăng bằng mà rơi vào lọ mực.

Một cô gái cao chừng hai inch vừa mới bước vào và đang băng qua sàn hướng về dãy hộp thư. Cô mặc quần áo thể thao và bước đi với mái đầu ngẩng cao. Và cô giắt một nhụy hoa trên tóc.

Stuart bắt đầu run rẩy vì phấn khích.

“Chắc là cô gái nhà Ames rồi,” Stuart tự nhủ. Và nó núp sau bình mực, quan sát cô gái mở hộp thư, chỉ rộng khoảng một phần tư inch, và lôi mớ thư ra. Ông chủ tiệm đã nói đúng: Harriet đẹp. Và dĩ nhiên cô là cô gái duy nhất Stuart từng gặp từ trước tới giờ mà không cao hơn nó cả dậm. Stuart hình dung ra nếu hai đứa nó sóng bước bên nhau, cái đầu cô gái sẽ chỉ cao hơn vai nó tí xíu. Ý nghĩ này làm nó ứ tràn thích thú. Nó muốn trượt xuống sàn và nói chuyện với cô, nhưng nó không dám. Bao nhiêu can trường bỏ nó mà đi hết, và nó cứ thế giấu mình sau bình mực cho đến khi Harriet đi rồi. Khi chắc chắn rằng cô đã khuất dạng, nó chuồn ra khỏi bưu điện và lượn xuống con đường dẫn đến cửa tiệm tạp hóa, vừa hy vọng rằng sẽ gặp được cô gái nhỏ xinh đẹp, vừa sợ sẽ gặp phải cô.

“Ông có giấy viết thư dập chữ nổi nào không?” Nó hỏi ông chủ tiệm. “Cháu không kịp viết thư rồi.”

Ông chủ tiệm giúp Stuart leo lên quầy và kiểm cho nó tờ giấy viết thư - một tờ giấy nhỏ, có in chữ Y. Stuart rút cái bút mực ra và ngồi xuống, dựa vào một thanh kệo năm xu rồi bắt đầu một lá thư cho Harriet:

“CÔ AMES THÂN MẾN,” nó viết. “Tôi là một thanh niên tầm vóc khiêm tốn. Sinh ra tôi là người New York, nhưng lúc này tôi đang chu du vì một việc bí mật. Những cuộc chu du đã mang tôi tới thị trấn của cô. Hôm qua, ông chủ cửa tiệm tạp hóa nơi cô ở - một người có gương mặt lương thiện và tác phong cởi mở - đã cho tôi một bản mô tả có ích nhất về tính cách cũng như diện mạo cô.”

Đến đúng đoạn thư này thì bút của Stuart hết mực vì viết dài, và Stuart phải nhờ ông chủ tiệm nhúng ngược đầu nó vào trong bình mực để nó có thể bơm mực vào bút. Rồi nó viết tiếp lá thư...

“Làm ơn tha lỗi cho tôi, cô Ames,” Stuart tiếp tục, “vì đã mạo muội làm quen dựa trên một cái cơ rất không thích hợp là sự tương đồng về hình thể của cô; nhưng dĩ nhiên, như chính cô hẳn cũng biết, có rất ít người cao chỉ có hai inch. Tôi nói hai inch nhưng thực ra tôi cao hơn thế một chút. Điểm hạn chế duy nhất là tôi ít nhiều trông giống một con chuột nhất. Tuy nhiên tôi cân đối. So với tuổi thì tôi cũng nở nang hơn. Cho phép tôi nói thẳng ra luôn: mục đích tôi viết thư ngắn này là để đề nghị chúng ta gặp nhau. Tôi hiểu rằng cha mẹ cô có thể phản đối trước sự đường đột và thẳng tuột trong lời đề nghị của tôi, cũng như vẻ ngoài có hơi giống chuột của tôi, cho nên tôi nghĩ có lẽ sẽ là một ý hay nếu cô đừng đề cập vấn đề này với họ. Điều mà họ không biết cũng sẽ chẳng làm hại gì họ. Tuy nhiên, có lẽ cô biết cách xử lý với cha mẹ cô hơn tôi, thế nên tôi sẽ không cố chỉ dẫn cô mà để mọi việc cho sự phán xét sáng suốt của cô.

Là người thích ở ngoài trời, tôi cắm trại bên bờ sông, tại một địa điểm hấp dẫn ngay dưới chân đường Tracy. Cô có muốn chèo xuống với tôi một chuyến không? Chiều mai, lúc mặt trời lặn, có được không? Khi những phiến phức vụn vặt của ban ngày đã lùi lại phía sau và dòng sông dường như chảy lặng lờ hơn trong bóng đổ dài của rừng liễu? Những buổi chiều mùa xuân yên tĩnh này đã được những kiến trúc sư đặc biệt thiết kế cho niềm vui của những kẻ chèo thuyền. Tôi yêu làn nước, cô Ames à, và chiếc xuồng của tôi giống như một người bạn già và đáng tin cậy.”

Hăm hờ viết thư cho Harriet, Stuart quên khuấy mất, rằng nó không hề có cái xuồng nào.

“Nếu cô vui lòng chấp nhận lời mời của tôi, xin hãy đến bờ sông chiều mai khoảng năm giờ. Tôi sẽ hết sức háo hức chờ cô. Và giờ tôi phải khép lại bức thư làm phiền cô đây và làm cho xong những việc của mình.

Chân thành,
Stuart Little.”

Sau khi đã dán bức thư lại trong một cái phong bì, Stuart quay sang ông chủ tiệm.

“Tôi có thể kiếm đâu một cái xuống đây?” Nó hỏi.

“Ngay đây,” chủ tiệm đáp. Ông đi tới quầy đồ lưu niệm và lấy xuống một cái xuống nhỏ bằng vỏ cây bạch dương với dòng chữ KỶ NIỆM MÙA HÈ đóng dấu bên hông. Stuart ngắm kỹ lưỡng.

“Có rò không đây?” Stuart hỏi.

“Cái xuống đẹp đấy,” chủ tiệm đáp, những ngón tay nhẹ nhàng uốn lại hình thù cho chiếc xuống. “Bạn sẽ phải trả bảy mươi lăm xu và một xu thuế.”

Stuart rút tiền ra và trả cho người đàn ông. Rồi nó nhìn vào bên trong chiếc xuống, nhận ra không có mái chèo nào cả.

“Còn mái chèo thì sao?” Nó nói, làm giọng đúng vẻ làm ăn. Chủ tiệm ngó quanh trong đám đồ lưu niệm nhưng không tìm được cái mái chèo nào, thế là ông đi tới quầy kem và quay lại với hai thìa nhỏ bằng bìa cứng – loại thìa người ta vẫn dùng để ăn kem khi đi cắm trại.

“Mấy cái này dùng làm mái chèo cũng được,” ông nói.

Stuart nhận mấy cái thìa, nhưng trông chúng thật gớm guốc.

“Chúng dùng cũng được” Stuart nói, “nhưng cháu sẽ rất ghét nếu bắt chợt gặp một cô gái Mỹ Da đỏ mà lại đang cầm mấy cái này trên tay.”

Ông chủ tiệm mang chiếc xuống và mấy mái chèo ra trước cửa tiệm và đặt chúng xuống mặt đường. Ông tự hỏi người chèo xuống tí ti kia sẽ làm gì tiếp theo, nhưng Stuart không hề nao núng. Lôi một mẩu dây từ trong túi ra, nó cột mấy mái chèo vào thanh ván ngang, nhẹ nhàng lẳng cái xuống lên trên đầu, và cứ thế cuộc bộ bình thản như thể một anh hướng dẫn viên người Canada. Nó rất tự hào về khả năng chèo xuống của mình và rất thích được chứng tỏ khả năng ấy.

14. MỘT BUỔI CHIỀU TRÊN SÔNG

Khi Stuart đến chỗ dựng trại trên bờ sông, nó mệt vã người và nóng nực. Nó đặt chiếc xuồng xuống nước và buồn rầu thấy xuồng bị rò tẹt hại. Vỏ cây bạch dương ở mũi xuồng được khâu lại với nhau bằng dây, và nước chui qua những mối khâu. Chỉ có vài giây mà chiếc xuồng đã ngập nước đến một nửa.

“Khốn kiếp!” Stuart nói, “mình bị lừa rồi.” Nó đã phải trả bảy mươi sáu xu cho một cái xuồng kiểu của người Da đỏ thật bằng vỏ bạch dương, để rồi hóa ra là xuồng thủng.

“Khốn kiếp, khốn kiếp, khốn kiếp,” nó lẩm bẩm.

Thế rồi nó tát nước trong xuồng ra, lôi xuồng lên bờ để sửa. Nó biết nó không thể đưa Harriet ra sông trên một chiếc xuồng thủng – cô ấy sẽ không thích thế. Mặc dù mệt mỏi, nó vẫn trèo lên một cây vân sam và kiếm ít mù vân sam. Với cái này nó trám vào những lỗ khâu và ngăn rò nước. Mặc dù vậy, chiếc xuồng hóa ra là một món đồ thủ công nhỏ bé xộc xệch. Phải Stuart mà không nhiều kinh nghiệm sông nước thì đã rơi vào rắc rối trầm trọng với cái xuồng rồi.

Mà ngay cả có là đồ lưu niệm thì đây cũng là một cái xuồng khá chông chênh. Stuart mang đá từ bờ ra mép nước và lấy đá dần cái xuồng cho đến khi xuồng bông bênh thẳng bằng và đều đặn. Nó làm một chỗ tựa lưng để Harriet có thể tựa lưng vào và lướt những ngón tay trong làn nước nếu cô ấy muốn. Nó cũng làm một cái gối bằng cách thắt một cái khăn mùi soa sạch của nó quanh một túm rêu. Rồi nó đi lấy một mái chèo để tập chèo. Nó giận dữ vì đã không có thứ gì tốt hơn để làm mái chèo ngoài một cái thìa giấy, nhưng nó quyết định rồi, cũng chẳng thể làm gì hơn. Nó tự hỏi không hiểu Harriet có nhận ra rằng mái chèo của nó thực ra chỉ là một cái thìa ăn kem thôi không?

Cả chiều hôm đó Stuart làm việc trên cái xuồng, chỉnh mớ đá dần xuống, trám mấy lỗ khâu, và sắp xếp mọi thứ ngăn nắp cho ngày hôm sau. Nó không nghĩ gì ngoài cuộc hẹn của nó với Harriet. Vào bữa tối, nó lấy ra cây rìu, đốn một cây bồ công anh, mở một hộp giăm bông nướng và chén một bữa tối nhẹ nhàng với giăm bông và sữa bồ công anh, sau bữa tối, nó ngã người dựa vào một cây dương xỉ, cắn ít nhựa cây vân sam để nhai, và nằm đó, trên bờ sông mà mơ màng và nhai kẹo. Trong tưởng tượng của Stuart, nó tập dượt từng chi tiết của chuyến đi ngày mai với Harriet. Mắt nhắm nghiền, nó dường như thấy

mọi chuyện mòn một – cô ấy trông sẽ ra sao khi bước xuống con đường nhỏ dẫn đến bờ nước, dòng sông sẽ bình yên và lặng lẽ ra sao trong ánh chiều chạng vạng, chiếc xuồng trông sẽ thanh nhã ra sao, được neo ngay trên bờ nước. Trong tưởng tượng, nó sống từng phút của cái buổi chiều cùng nhau ấy. Cả hai sẽ chèo đến một phiến lá hoa súng ở đầu dòng, và nó sẽ mời Harriet bước lên phiến lá mà ngồi một lúc. Stuart dự định mặc quần bơi ở bên dưới lớp quần áo ngoài để có thể phóng từ phiến lá xuống dòng nước lạnh. Nó sẽ bơi trườn, lên lên xuống xuống vòng quanh phiến lá súng, trong khi Harriet quan sát, thân phục tài bơi lội của nó.

(Stuart nhai cục nhựa vân sam thật nhanh trong lúc mơ tưởng tới tình tiết này trong chuyện).

Bất thành linh Stuart mở mắt và ngồi dậy. nó nghĩ tới lá thư đã gửi và thắc mắc thư được phát chưa. Dĩ nhiên đó là một lá thư bé đến bất thường và dễ bị bỏ sót trong thùng thư lắm. Ý nghĩ này làm nó chìm ngập trong sợ hãi và lo lắng. Nhưng chẳng mấy chốc mà nó để cho những ý nghĩ của mình quay về với dòng sông, và khi nó nằm đó, một cây liễu bắt đầu ngân nga bên bờ đối diện, bóng tối tràn ra khắp mặt đất, và Stuart rơi vào giấc ngủ.

Ngày hôm sau trời mới hé đã đầy mây, Stuart phải vào thành phố để thay dầu cho xe, và thế là nó dẫu chiếc xuồng dưới mấy cái lá, buộc chặt chiếc xuồng vào một cục đá, và ra đi lo mấy việc lặt vặt, vẫn còn nghĩ về Harriet và ước gì trời đẹp hơn. Trời ngó bộ muốn mưa. Từ làng quay về, Stuart bị nhức đầu, nhưng nó hi vọng sẽ ổn hơn trước năm giờ chiều. Nó cảm thấy khá là căng thẳng, vì trước giờ nó chưa từng đưa cô gái nào đi chơi xuồng. Nó để hẳn cả buổi chiều nằm vạ vật, thử các áo sơ mi khác nhau xem cái nào nào mặc đẹp nhất, rồi chải bộ ria. Cứ mỗi khi phát hiện ra nách áo ướt vì căng thẳng là nó lại thay ngay một cái áo sạch, và dĩ nhiên phải thay một cái áo khô. Nó thay một cái áo sạch lúc hai giờ, một cái khác lúc ba giờ, và một cái khác lúc bốn giờ mười lăm. Việc này ngốn gần hết buổi chiều. Khi gần tới năm giờ, Stuart càng lúc càng căng thẳng. Nó cứ nhìn đồng hồ lại liếc lên con đường mòn, chải tóc, tự hỏi mình, và bồn chồn. Trời trở lạnh và Stuart gần như chắc chắn rồi sẽ mưa. Nó không tưởng tượng nổi nó phải làm gì nếu trời mưa ngay khi Harriet Ames xuất hiện để cùng đi xuồng.

Cuối cùng cũng tới năm giờ, Stuart nghe tiếng ai đó đi trên con đường mòn. Đó là Harriet. Cô đã chấp nhận lời mời của nó. Stuart quăng mình lên một gốc cây và cố tạo một tác phong thoải mái, như thể nó đã quen đưa các cô gái đi chơi. Nó chờ cho tới khi Harriet còn cách có vài feet thì đứng dậy.

“À, chào,” nó nói, cố giữ giọng không run rẩy.

“Phải anh Little không ạ?” Harriet hỏi.

“Vâng,” Stuart nói. “Cô tới thật hay quá.”

“Vâng, thật tốt là anh đã mời tôi,” Harriet đáp. Cô mặc một chiếc áo len dài tay màu trắng, một chiếc váy bằng vải tuyết, đôi tất ngắn bằng len trắng, và đi đôi giày đế mềm. Tóc cô cột lại bằng một chiếc khăn tay màu sắc rực rỡ, và Stuart nhận thấy cô mang trên tay một hộp kẹo bạc hà.

“Không có chi, làm được vậy tôi vui lắm,” Stuart nói. “Tôi chỉ ước gì thời tiết tốt hơn cho chúng ta. Coi bộ khá nồm, cô có thấy thế không?” Stuart cố làm cho giọng mình có âm điệu của người Anh.

Harriet nhìn trời và gật đầu. “Ồ, vâng,” cô nói, “mưa thì cứ mưa.”

“Dĩ nhiên rồi,” Stuart lặp lại, “mưa thì cứ mưa. Xuồng của tôi cách đây một quãng, trên bờ. Để tôi giúp cô qua mấy chỗ gò ghề này trên lối đi nhé?” Về bản chất, Stuart là một con chuột rất lịch, nhưng Harriet nói cô không cần giúp đỡ. Cô là một cô gái năng động và không hề dễ ngã dễ vấp. Stuart dẫn đường tới chỗ nó giấu chiếc xuồng, và Harriet đi theo, nhưng khi tới nơi, Stuart kinh hoàng khi nhận thấy chiếc xuồng không còn đó. Xuồng đã biến mất.

Trái tim Stuart rũ xuống. Nó thấy muốn òa khóc.

“Chiếc xuồng mất rồi,” nó rên rỉ.

Thế rồi nó chạy như điên lên lên xuống xuống dọc bờ nước, tìm kiếm khắp nơi. Harriet tham gia cuộc tìm kiếm, và sau một chốc cả hai đã tìm thấy cái xuồng, nhưng chỉ còn một đồng ngỗng ngang. Đứa nào không biết đã nghịch chiếc xuồng. Một mẩu dây to buộc vào một đầu. Bao đá dẫn đã mất tiêu. Cái gói cũng mất. Cái tựa lưng cũng mất. Cục nhựa cây vân sam đã bung ra khỏi đường may. Mọi thứ phủ đầy bùn, và một trong hai mái chèo bị uốn đến cong vẹo.

Thật là một đồng hoang tàn. Đúng cái kiểu một chiếc thuyền vỏ bạch dương sau khi bị mấy thằng con trai lớn xác nghịch ngợm.

Stuart tan nát cõi lòng. Nó không biết phải làm sao. Nó ngồi xuống trên một nhánh cây con và vùi đầu vào trong hai bàn tay. “Ồi thôi,” nó cứ nói đi nói lại. “Ồi thôi...”

“Rắc rồi gì thế?” Harriet hỏi.

“Cô Ames à,” Stuart nói giọng run run, “tôi đảm bảo với cô, tôi đã thu xếp mọi thứ đâu vào đấy, mọi thứ. Và giờ thì nhìn kìa!”

Harriet muốn sửa lại cái xuồng và cứ tiếp tục bơi ra sông, nhưng Stuart không chịu nổi ý tưởng này.

“Vô ích thôi,” nó cay đắng, “không cách gì giống hết được đâu.”

“Giống hệt như cái gì?” Harriet hỏi.

“Giống hệt như đang ra phải thế, như hôm qua tôi đã nghĩ về nó. Tôi e rằng một người phụ nữ sẽ không hiểu nổi những việc thế này. Nhìn sợi dây kia xem! Nó buộc chặt đến nỗi tôi không bao giờ tháo ra được nữa.”

“Chà,” Harriet gợi ý, “hay chúng ta cứ để nó lơ lửng trong dòng nước và kéo lê phía sau ta?”

Stuart nhìn cô tuyệt vọng. “Cô đã bao giờ thấy một người Da đỏ chèo thuyền dọc một con sông yên ả đẹp đẽ với một đoạn dây thừng to kéo phía sau chưa?” Nó hỏi.

“Thì mình giả vờ mình đang câu cá,” Harriet nói, không nhận ra rằng có những người hay câu kỳ hóa chuyện tàu thuyền.

“Tôi không muốn giả vờ câu cá,” Stuart kêu lên, tuyệt vọng. “Thêm nữa, nhìn đám bùn mà xem! Nhìn đi!” Giờ thì nó đang la hét.

Harriet ngồi xuống bên cạnh Stuart trên nhánh cây con. Cô đưa nó một cái kẹo bạc hà nhưng nó lắc đầu. “Thôi,” cô nói, “trời bắt đầu mưa rồi, và tôi nghĩ tôi chạy đi thì hơn nếu anh không dẫn tôi đi chèo xuồng nữa. Tôi không hiểu sao anh phải ngồi đây mà rầu rĩ cơ chứ. Anh có muốn đến nhà tôi chơi không? Sau bữa tối anh có thể đưa tôi đi nhảy ở Câu lạc bộ Đồng quê. Có thể anh sẽ vui lên đấy.”

“Không, cảm ơn,” Stuart đáp. “Tôi không biết nhảy. Mà sáng mai tôi định đi sớm rồi. Có lẽ tôi sẽ lên đường lúc rạng sáng.”

“Thế anh định ngủ đây trong trời mưa thế này à?” Harriet hỏi.

“Chắc chắn rồi,” Stuart nói. “Tôi sẽ luôn dưới cái xuồng.”

Harriet nhún vai. “Vậy thì,” cô nói, “tạm biệt, anh Little.”

“Tạm biệt cô Ames,” Stuart nói. “Rất tiếc vì buổi chiều trên sông lại phải kết thúc thế này.”

“Tôi cũng rất tiếc,” Harriet nói. Và cô bước đi dọc theo lối mòn hướng về đường Tracy, để lại Stuart một mình với những giấc mộng tan tành và chiếc xuồng tan nát.

15. VỀ PHƯƠNG BẮC

Stuart ngủ dưới cái xuồng đêm đó. Nó thức giấc lúc bốn giờ sáng, thấy rằng mưa đã ngừng rơi. Ngày sẽ trong veo đây. Lũ chim đã bắt đầu rục rịch và phát ra những tiếng lảnh lót trong những tán cây trên đầu. Stuart chưa bao giờ để một con chim bay qua mà không nhìn xem đó có phải là Margalo không.

Ở rìa thành phố nó tìm thấy một trạm xăng và dừng lại mua một ít xăng.

“Năm, làm ơn,” Stuart nói với người bán xăng.

Người này nhìn vào cái xe tí tẹo, sừng sốt.

“Năm gì?” ông ta hỏi.

“Năm giọt,” Stuart nói. Nhưng người đàn ông lắc đầu và nói rằng ông không thể bán một lượng xăng ít như thế.

“Sao lại không?” Stuart hỏi. “Ông cần tiền và tôi cần xăng. Sao giữa hai ta lại không thể làm ăn chứ?”

Người coi trạm xăng đi vào trong và quay trở ra với một ống nhỏ thuốc. Stuart vặn nắp bình xăng và ông này nhỏ năm giọt xăng vào. “Tôi chưa từng làm thế này bao giờ,” ông ta nói.

“Nhân tiện xem lại dầu nhớt giùm,” Stuart nói.

Sau khi mọi việc đã được kiểm tra và tiền đã trả, Stuart leo lên xe, khởi động máy, và lái ra xa lộ. Trời càng lúc càng sáng hơn, và dọc dòng sông, sương sớm lơ lững trong ánh sáng đầu ngày. Thị trấn vẫn còn ngái ngủ. Chiếc xe của Stuart lướt đi vo vo. Stuart cảm thấy khỏe cả người và sung sướng vì lại được lên đường.

Ra khỏi thành phố được nửa dặm thì con đường chia nhánh. Một đường có vẻ chạy về phía Tây, đường kia tiếp tục về phía Bắc. Stuart đậu xe bên vệ đường hướng về phía Bắc và chui ra ngoài xem tình hình ra sao. Quá ngạc nhiên, nó phát hiện ra một người đàn ông đang ngồi trên rãnh, tựa người vào một cột chỉ đường. Hai bắp chân anh ta mang giày có cựa sắt. Anh ta còn đeo một thắt lưng da nặng trĩu, và Stuart nhận ra anh này hẳn phải là thợ sửa chữa của công ty điện thoại.

“Chào anh,” Stuart nói bằng giọng thân thiện. Người thợ sửa chữa giơ tay lên đầu chào. Stuart ngồi xuống bên cạnh anh ta trong cái rãnh ven đường và hít sâu không khí trong lành dịu ngọt. “Sẽ là một ngày đẹp trời đây,” nó quan

sát.

“Đúng,” anh thợ đồng ý, “một ngày đẹp trời. Tôi đang chờ leo lên đám cột của tôi đây.”

“Chúc anh gặp thời tiết tốt và tay bám được chắc,” Stuart nói. “Nhân thể, anh có thấy con chim nào đậu trên chóp cột điện anh không?”

“Có, tôi thấy vô khối chim,” anh thợ đáp.

“Chà, nếu có khi nào tình cờ gặp một cô chim nhỏ tên Margalo,” Stuart nói, “tôi sẽ rất cảm kích nếu anh để lại cho tôi vài dòng. Đây là danh thiếp của tôi.”

“Tả cô chim coi,” người thợ nói, rút ra xấp giấy với cây bút chì.

“Nâu,” Stuart nói. “Nâu, với một sọc vàng trên ức.”

“Biết cô ta từ đâu tới không?” người thợ hỏi.

“Cô ấy tới từ những cánh đồng một thời chắt ngát lúa mì, từ những bãi cỏ chìm sâu trong dương xỉ và cây kế; cô ấy đến từ những thung lũng trồng cây râu dê, và cô ấy ưa ca hát.”

Người thợ ghi xuống một cách ngắn gọn. “Những cánh đồng – lúa mì – những bãi cỏ, dương xỉ & cây kế. Thung lũng, râu dê. Thích hát.” Thế rồi anh bỏ xấp giấy vào lại trong túi, và nhét danh thiếp của Stuart vào trong ví. “Tôi sẽ để ý cho,” anh hứa.

Stuart cảm ơn người thợ. Họ ngồi xuống một lúc trong yên lặng. Rồi người đàn ông nói.

“Cậu sẽ đi theo hướng nào?”

“Hướng Bắc,” Stuart nói.

“Bắc thì đẹp,” người thợ nói. “Tôi lúc nào cũng thích đi về hướng Bắc. Dĩ nhiên Tây Nam cũng là một hướng đẹp.”

“Vâng, tôi cũng cho là thế,” Stuart trầm ngâm nói.

“Và hướng Đông nữa,” người thợ tiếp tục. “Tôi từng có một trải nghiệm thú vị trong một chuyến đi về hướng Đông. Có muốn nghe tôi kể về chuyến đi đó không?”

“Không, cảm ơn anh,” Stuart nói.

Người thợ có vẻ phật ý, nhưng anh vẫn tiếp tục nói. “Hướng Bắc có một thứ khiến nó khác hẳn những hướng khác. Theo ý tôi, một người đang đi về hướng Bắc là không làm gì sai cả.”

“Tôi cũng nghĩ đúng như thế đấy!” Stuart nói. “Tôi có phần nào đoán rằng kể từ nay tôi sẽ chu du về phương Bắc cho đến chết.”

“Thế còn đỡ tệ hơn khối thứ,” người thợ nói.

“Vâng, tôi biết,” Stuart đáp.

“Đi theo một đường dây điện thoại bị hỏng về phương Bắc, tôi từng ghé qua mấy chỗ tuyết vùi,” người thợ sửa điện thoại tiếp tục. “Những đầm lầy có tuyết từng mọc và bầy rùa đợi trên những khúc gỗ nhưng không cụ thể là đợi gì; những cánh đồng bao quanh bởi những hàng rào cong queo hư hỏng sau bao năm đứng im lìm; những vườn ăn trái xưa đến mức đã quên mất trang trại nằm đâu. Ở miền Bắc, tôi từng ăn bữa trưa trên một bãi chăn thả sum sê những dương xỉ với cây bách xù, dưới trời xanh và gió thổi.”

Công chuyện của tôi đã đưa tôi vào những rừng vân sam trong những đêm đông, tuyết sâu và mềm, quả là một nơi tuyệt diệu cho những cuộc hội hè của bầy thỏ. Tôi từng ngồi yên bình trên những sân ga trung chuyển đường sắt ở miền Bắc, trong những giờ âm áp và những mùi âm áp. Tôi biết những cái hồ trong lành ở miền Bắc, không bị xáo trộn bởi bất kỳ thứ gì khác ngoài cá, điều hâu, và dĩ nhiên, bởi Công ty Điện thoại – cứ thế mà đi thẳng tắp. Tôi biết rõ tất cả những chốn này. Chúng xa đây lắm – đừng quên điều đó. Và một người đang tìm kiếm điều gì đó thì chớ đi quá nhanh.”

“Hoàn toàn đúng,” Stuart nói. “Chà, tôi đồ rằng mình phải đi đây. Cảm ơn anh vì những nhận xét thân tình.”

“Không có chi,” người thợ đáp. “Tôi hy vọng cậu sẽ tìm thấy cô chim ấy.”

Stuart đứng lên từ cái rãnh, trèo vào chiếc ô tô của mình, và khởi hành trên con đường dẫn về phương Bắc. Mặt trời mới lên khỏi những ngọn đồi bên tay phải. Khi nó ngó tới trước đăm chiêu nhìn vùng đất mênh mông trải dài trước mặt, con đường có vẻ dài. Nhưng bầu trời sáng trong, và Stuart ít nhiều cảm thấy mình đã đi đúng hướng.

❧❧❧❧❧---THE END---❧❧❧❧❧

[1] Bài thơ “Twas the Night Before Christmas” của Clement Clarke Mcon.

[2] Nguyên văn louse – con chấy, đề vắn với mouse.

[3] Nguyên văn grouse – gà gô, cũng đề vắn với mouse.

[4] Nguyên văn scune – thịt dầm muối cũng dễ vằn với mouse.

[5] Cả đoạn này tác giả chơi chữ và có vần như thơ. Nguyên văn là “Or a jip from a jibe/ Or a luff from a leech/ Or a deck from a dock/ Or a mast from a mist.”

[6] Tiếng Pháp, nghĩa là *thượng lộ bình an*.

[7] 1 foot tương đương 0.3m

[8] Một loại rượu mạnh.

[9] Tương tự cờ ca rô.

[10] 1 aoxơ tương đương với 28g.

[11] 1 inch tương đương 2,5 cm.

[12] Nguyên gốc là *rhinestones*, kim cương giả hoặc đá thạch anh sông Ranh, đọc gần giống *renal stones*, sỏi thận. Tổng Giám thị nói nhầm.